

Số: /BC-BNV

Hà Nội, ngày tháng năm 2024

BÁO CÁO**Kết quả thực hiện công tác cải cách hành chính
6 tháng đầu năm 2024 của Bộ Nội vụ**

Thực hiện Nghị quyết số 76/NQ-CP ngày 15/7/2021 của Chính phủ ban hành Chương trình tổng thể cải cách hành chính nhà nước giai đoạn 2021 - 2030; Quyết định số 1091/QĐ-BNV ngày 06/10/2021 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ ban hành Kế hoạch cải cách hành chính giai đoạn 2021 - 2025 của Bộ Nội vụ; Quyết định số 1062/QĐ-BNV ngày 26/12/2023 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ ban hành Kế hoạch cải cách hành chính năm 2024 của Bộ Nội vụ; Công văn số 581/BNV-CCHC ngày 21/02/2022 của Bộ Nội vụ về việc hướng dẫn thực hiện chế độ báo cáo cải cách hành chính định kỳ, Bộ Nội vụ tổng hợp tình hình, kết quả thực hiện công tác cải cách hành chính 6 tháng đầu năm 2024, cụ thể như sau:

I. KẾT QUẢ ĐẠT ĐƯỢC**1. Công tác chỉ đạo, điều hành cải cách hành chính**

Ban Chỉ đạo cải cách hành chính của Bộ Nội vụ (Ban Chỉ đạo CCHC của Bộ) đã tổ chức cuộc họp mở rộng nhằm đánh giá tình hình, kết quả cải cách hành chính (CCHC) năm 2023 và triển khai Kế hoạch CCHC năm 2024 của Bộ Nội vụ (ngày 16/01/2024); ban hành Kế hoạch hoạt động của Ban Chỉ đạo CCHC của Bộ năm 2024¹. Các đơn vị thuộc, trực thuộc Bộ đã tổ chức triển khai Kế hoạch CCHC của Bộ Nội vụ năm 2024² theo nhiệm vụ được phân công, gắn với điều kiện cụ thể của đơn vị. Triển khai Kế hoạch xác định Chỉ số CCHC năm 2023 của các bộ, cơ quan ngang bộ và UBND tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương, ngay từ đầu năm 2024, cùng với việc hướng dẫn, chỉ đạo, đôn đốc các bộ, ngành, địa phương triển khai thực hiện, Bộ Nội vụ đã tổ chức các hoạt động chấm điểm, thẩm định kết quả xác định Chỉ số CCHC (PAR Index) năm 2023 của các bộ, các tỉnh; triển khai khảo sát **49.458** cán bộ, công chức lãnh đạo, quản lý các cấp theo hình thức trực tuyến để lấy ý kiến đánh giá kết quả CCHC tại bộ, cơ quan, địa phương, phục vụ xác định Chỉ số CCHC năm 2023 của các bộ, các tỉnh. Triển khai Kế hoạch đo lường sự hài lòng của người dân đối với sự phục vụ hành chính năm 2023, Bộ Nội vụ đã phối hợp với Ban Thường trực Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, Trung ương Hội Cựu chiến binh Việt Nam, Tổng công ty Bưu điện Việt Nam và các cơ quan liên quan thực hiện khảo sát **39.765** phiếu điều tra xã hội học đối với người dân ở cơ sở để đo lường Chỉ số hài lòng về sự phục vụ hành chính (SIPAS) năm 2023. Trên cơ sở kết quả đạt được, ngày 17/4/2024, được sự đồng ý của Thủ tướng Chính phủ, Bộ Nội vụ thay mặt Ban Chỉ đạo CCHC của Chính phủ (Ban Chỉ đạo CCHC của CP) đã phối hợp với Trung ương Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, Trung ương Hội Cựu chiến binh Việt Nam tổ chức Hội nghị

¹ Quyết định số 5/QĐ-BCĐCCHC ngày 02/02/2024.

² Quyết định số 1062/QĐ-BNV ngày 26/12/2023.

công bố Chỉ số hài lòng về sự phục vụ hành chính năm 2023 (SIPAS 2023) và Chỉ số CCHC (PAR INDEX) năm 2023 của các bộ, các tỉnh. Để nhìn nhận, đánh giá những kết quả đạt được và chủ động khắc phục những tồn tại, hạn chế trong tổ chức thực hiện công tác CCHC, Bộ Nội vụ đã có báo cáo phân tích kết quả Chỉ số CCHC năm 2023 và đề xuất một số giải pháp nhằm duy trì, nâng cao Chỉ số CCHC của Bộ Nội vụ những năm tiếp theo³. Bên cạnh đó, Bộ Nội vụ đã tổ chức các đoàn kiểm tra, tham dự các Hội thảo, Hội nghị do các bộ, các tỉnh tổ chức để đánh giá, việc sử dụng và tác động của Chỉ số CCHC và Chỉ số hài lòng của người dân đối với sự phục vụ của cơ quan hành chính nhà nước, kết quả triển khai công tác CCHC, những tồn tại, hạn chế, cũng như những khó khăn, vướng mắc trong tổ chức thực hiện, kịp thời chỉ đạo triển khai một số giải pháp cụ thể nhằm tháo gỡ khó khăn, vướng mắc cho các bộ, các tỉnh, nâng cao hiệu quả thực hiện nhiệm vụ CCHC.

Thực hiện vai trò cơ quan thường trực của Chính phủ về CCHC, Bộ Nội vụ (trực tiếp là Vụ Cải cách hành chính - Văn phòng Ban Chỉ đạo CCHC của CP) đã thường xuyên theo dõi, đôn đốc, hướng dẫn các bộ, ngành, địa phương triển khai thực hiện các nhiệm vụ CCHC. Bộ Nội vụ đã trình Thủ tướng Chính phủ ký ban hành Quyết định kiện toàn Ban Chỉ đạo CCHC của CP⁴, Quyết định phê duyệt danh sách thành Ban Chỉ đạo CCHC của CP⁵; phối hợp với Văn phòng Chính phủ, các bộ, cơ quan liên quan để tổ chức Phiên họp thứ bảy đánh giá kết quả triển khai công tác CCHC năm 2023 và phương hướng, nhiệm vụ năm 2024 của Ban Chỉ đạo CCHC của CP (ngày 02/02/2024); tham mưu và trình Thủ tướng Chính phủ, Trưởng Ban Chỉ đạo CCHC của CP ký ban hành Kế hoạch hoạt động năm 2024⁶ (gồm 64 nhiệm vụ cụ thể, gắn với trách nhiệm triển khai của từng thành viên Ban Chỉ đạo CCHC của CP và các bộ, ngành, địa phương) và ban hành Quy chế hoạt động của Ban Chỉ đạo CCHC của CP⁷; tham mưu, trình Bộ trưởng Bộ Nội vụ, Phó Trưởng Ban Chỉ đạo CCHC của CP về Kế hoạch kiểm tra của Ban Chỉ đạo CCHC của CP năm 2024.

Thực hiện nhiệm vụ của Tổ công tác cải cách thủ tục hành chính (TTHC) của Thủ tướng Chính phủ, Bộ trưởng Bộ Nội vụ đã tăng cường công tác chỉ đạo, đôn đốc các đơn vị được giao phụ trách đẩy mạnh công tác cải cách TTHC theo Kế hoạch hoạt động năm 2024 của Tổ công tác.

Bộ đã ban hành, tổ chức thực hiện Kế hoạch triển khai Đề án “Hệ thống ứng dụng công nghệ thông tin đánh giá CCHC và đo lường sự hài lòng của người dân đối với sự phục vụ của cơ quan hành chính nhà nước” năm 2024⁸; tổ chức Lễ ký kết Chương trình phối hợp giữa Bộ Nội vụ và Công đoàn Viên chức Việt Nam (ngày 13/3/2024), phối hợp với Công đoàn Viên chức Việt Nam và cơ quan liên quan tổ chức các lớp tập huấn, tọa đàm về CCHC, tuyên truyền, hướng dẫn, trao đổi các kiến thức, kỹ năng, nghiệp vụ liên quan tới nội dung Chương trình tổng

³ Báo cáo số 2929/BC-BNV ngày 25/5/2024.

⁴ Quyết định số 110/QĐ-TTg ngày 28/01/2024.

⁵ Quyết định số 220/QĐ-TTg ngày 04/3/2024.

⁶ Quyết định số 42/QĐ-BCĐCCHC ngày 18/3/2024.

⁷ Quyết định số 48/QĐ-BCĐCCHC ngày 02/4/2024.

⁸ Quyết định số 20/QĐ-BNV ngày 12/01/2024.

thể CCHC nhà nước giai đoạn 2021 - 2030 và triển khai công tác CCHC; tổ chức Lễ ký kết hợp tác truyền thông giai đoạn 2024 - 2025 với Đài Truyền hình Việt Nam (ngày 17/4/2024); đối với Kế hoạch tăng cường năng lực công chức thực hiện CCHC năm 2024, Bộ tiếp tục đổi mới, tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin, đẩy mạnh hình thức học trực tuyến, tổ chức triển khai các lớp học trực tuyến cho công chức thực hiện CCHC của các bộ, ngành, địa phương⁹; tổ chức các đoàn khảo sát kinh nghiệm CCHC tại một số quốc gia trên thế giới; Bộ trưởng Bộ Nội vụ đã ký ban hành Kế hoạch thông tin, tuyên truyền CCHC năm 2024¹⁰, trong đó đẩy mạnh thông tin, tuyên truyền CCHC với nhiều hình thức, nội dung phong phú. Các website (Công thông tin điện tử Bộ Nội vụ: <https://moha.gov.vn>; Tạp chí điện tử Tổ chức nhà nước: <https://tcnn.vn>,...) do Bộ Nội vụ quản lý thường xuyên đăng tin bài về hoạt động CCHC của các bộ, ngành, địa phương, góp phần nâng cao nhận thức của đội ngũ công chức, viên chức (CCVC), người dân và xã hội về CCHC. Bản tin điện tử về CCHC tiếp tục được Bộ Nội vụ duy trì thực hiện phát hành hàng tuần trên Trang thông tin điện tử về CCHC của Ban Chỉ đạo CCHC của CP (<http://caicachhanhchinh.gov.vn>) và trên kênh Zalo OA của Bộ Nội vụ, qua đó đã trở thành kênh thông tin, truyền thông thường xuyên, hữu ích để trao đổi, chia sẻ những kinh nghiệm, cách làm hay về CCHC; thông tin về các hoạt động của Ban Chỉ đạo CCHC của CP và các hoạt động về CCHC của các bộ, ngành, địa phương.

2. Cải cách thể chế

Bộ trưởng Bộ Nội vụ đã ký ban hành Kế hoạch pháp chế năm 2024¹¹, trong 6 tháng đầu năm 2024, Bộ Nội vụ đã chỉ đạo các đơn vị tập trung xây dựng các văn bản quy phạm pháp luật (VBQPPL) do Bộ chủ trì xây dựng, ban hành hoặc trình cấp có thẩm quyền ban hành; đồng thời, chú trọng tới công tác theo dõi thi hành pháp luật. Bộ Nội vụ đã ban hành nhiều kế hoạch, chương trình xây dựng, hoàn thiện pháp luật, như: Kế hoạch theo dõi tình hình thi hành pháp luật của Bộ Nội vụ năm 2024¹²; Chương trình xây dựng VBQPPL năm 2024 của Bộ Nội vụ¹³; Kế hoạch hợp nhất VBQPPL năm 2024 của Bộ Nội vụ¹⁴; Kế hoạch kiểm tra VBQPPL năm 2024 của Bộ Nội vụ¹⁵; Kế hoạch tuyên truyền, phổ biến thể chế, chính sách thuộc lĩnh vực Nội vụ năm 2024¹⁶; công bố kết quả hệ thống hóa VBQPPL thuộc lĩnh vực quản lý nhà nước (QLNN) của Bộ Nội vụ trong kỳ hệ thống hóa 2019 - 2023¹⁷; đồng thời, ban hành văn bản¹⁸ gửi các bộ, Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân và Sở Nội vụ các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương chuẩn bị tài liệu phục vụ công tác kiểm tra tình hình thi hành pháp luật kết hợp kiểm tra VBQPPL của Bộ Nội vụ năm 2024.

⁹ Kế hoạch số 1012/KH-BNV ngày 28/02/2024.

¹⁰ Quyết định số 35/QĐ-BNV ngày 22/01/2024.

¹¹ Quyết định số 1087/QĐ-BNV ngày 29/12/2023.

¹² Quyết định số 29/QĐ-BNV ngày 17/01/2024.

¹³ Quyết định số 14/QĐ-BNV ngày 10/01/2024.

¹⁴ Quyết định số 26/QĐ-BNV ngày 16/01/2024.

¹⁵ Quyết định số 74/QĐ-BNV ngày 02/02/2024.

¹⁶ Quyết định số 52/QĐ-BNV ngày 29/01/2024.

¹⁷ Quyết định số 79/QĐ-BNV ngày 05/02/2024.

¹⁸ Công văn số 728/BNV-PC ngày 07/02/2024 và Công văn số 763/BNV-PC ngày 07/02/2024.

a) Về xây dựng, ban hành VBQPPL: Bộ Nội vụ đã phối hợp với Bộ Tư pháp trong việc rà soát, lập danh mục các VBQPPL thuộc thẩm quyền ban hành của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ để trình Thủ tướng Chính phủ ban hành và tổ chức triển khai thực hiện; đồng thời, Bộ Nội vụ đã giao các đơn vị chuyên môn thuộc Bộ thực hiện nhiệm vụ theo dõi, đôn đốc và kiểm tra tình hình xây dựng, ban hành VBQPPL theo kế hoạch Thủ tướng Chính phủ đã phê duyệt và thuộc thẩm quyền ban hành của Bộ trưởng Bộ Nội vụ. Trong 6 tháng đầu năm 2024 (tính từ ngày 16/12/2023 đến thời điểm báo cáo, ngày 21/6/2024), Bộ Nội vụ đã xây dựng, trình Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ ban hành **05** Nghị định¹⁹; **01** Quyết định²⁰; Bộ trưởng Bộ Nội vụ đã ban hành theo thẩm quyền **03** Thông tư²¹.

Về cơ bản, việc lập hồ sơ đề nghị xây dựng VBQPPL, hồ sơ thẩm định VBQPPL; quá trình soạn thảo, ban hành các văn bản Luật, Nghị quyết, Nghị định; việc soạn thảo, ban hành các VBQPPL thuộc thẩm quyền của Bộ trưởng Bộ Nội vụ được thực hiện theo đúng trình tự, thủ tục quy định của Luật Ban hành VBQPPL. Các VBQPPL về lĩnh vực Nội vụ đều bảo đảm tính khả thi và đồng bộ. Đến nay Bộ Nội vụ không có văn bản nợ ban hành quy định chi tiết. Việc phối hợp với các cơ quan, đặc biệt là Bộ Tư pháp trong công tác xây dựng pháp luật, tham gia các Hội đồng thẩm định, tư vấn thẩm định VBQPPL được thực hiện thường xuyên, nghiêm túc. Các dự thảo VBQPPL do các bộ, ngành gửi lấy ý kiến đều được Bộ Nội vụ tham gia, trả lời theo đúng yêu cầu.

b) Công tác kiểm tra VBQPPL: Thực hiện Kế hoạch công tác pháp chế năm 2024, Bộ Nội vụ đã chủ trì kiểm tra VBQPPL do các bộ, ngành, địa phương ban hành gửi về Bộ Nội vụ theo quy định tại Nghị định số 34/2016/NĐ-CP ngày 14/5/2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Ban hành VBQPPL và phối hợp với các đơn vị thuộc, trực thuộc Bộ tự kiểm tra VBQPPL do Bộ trưởng Bộ Nội vụ ban hành. Tính đến ngày 12/6/2024, Bộ Nội vụ đã tự kiểm tra **02** Thông tư do Bộ trưởng Bộ Nội vụ ban hành; thực hiện kiểm tra đối với **310** VBQPPL do Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương ban hành liên quan đến lĩnh vực QLNN của Bộ Nội vụ. Kết quả kiểm tra bước đầu cho thấy công tác xây dựng pháp luật tại các địa

¹⁹ Nghị định số 95/2023/NĐ-CP ngày 29/12/2023 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Tín ngưỡng, tôn giáo; Nghị định số 98/2023/NĐ-CP ngày 31/12/2023 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Thi đua, khen thưởng; Nghị định số 07/2024/NĐ-CP ngày 01/02/2024 của Chính phủ quy định chi tiết việc bầu, tuyển dụng, sử dụng, quản lý cán bộ, công chức làm việc tại xã, thị trấn và cán bộ phường của Thành phố Hồ Chí Minh; Nghị định số 28/2024/NĐ-CP ngày 06/3/2024 của Chính phủ quy định chi tiết trình tự, thủ tục xét tặng, truy tặng “Huy chương Thanh niên xung phong về vàng” và việc khen thưởng tổng kết thành tích kháng chiến; Nghị định số 29/2024/NĐ-CP ngày 06/3/2024 của Chính phủ quy định tiêu chuẩn chức danh công chức lãnh đạo, quản lý trong cơ quan hành chính nhà nước.

²⁰ Quyết định số 06/2024/QĐ-TTg ngày 05/4/2024 của Thủ tướng Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Quyết định số 27/2022/QĐ-TTg ngày 19/12/2022 của Thủ tướng Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Học viện Hành chính Quốc gia trực thuộc Bộ Nội vụ.

²¹ Thông tư số 01/2024/TT-BNV ngày 24/02/2024 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ Quy định biện pháp thi hành Luật Thi đua, khen thưởng và Nghị định số 98/2023/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2023 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Thi đua, khen thưởng; Thông tư số 02/2024/TT-BNV ngày 12/6/2024 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ quy định biện pháp thi hành Nghị định số 28/2024/NĐ-CP ngày 06/3/2024 của Chính phủ quy định chi tiết trình tự, thủ tục xét tặng, truy tặng “Huy chương Thanh niên xung phong về vàng” và việc khen thưởng tổng kết thành tích kháng chiến. Thông tư 03/2024/TT-BNV ngày 13/6/2024 quy định về phân cấp một số nhiệm vụ quản lý nhà nước về tín ngưỡng, tôn giáo của Bộ Nội vụ.

phương cơ bản đảm bảo đúng theo quy định của pháp luật, đáp ứng yêu cầu về quản lý của địa phương; đã thành lập **05** Đoàn kiểm tra trực tiếp VBQPPL tại các bộ, tỉnh: Bộ Quốc phòng, Bà Rịa - Vũng Tàu, Nghệ An, Sơn La, Tuyên Quang.

c) Công tác rà soát VBQPPL: Ngày 07/02/2024, Bộ trưởng Bộ Nội vụ ký ban hành Quyết định số 79/QĐ-BNV về việc công bố kết quả hệ thống hóa VBQPPL thuộc lĩnh vực QLNN của Bộ Nội vụ trong kỳ hệ thống hóa 2019 - 2023. Tổ chức thực hiện rà soát pháp luật và tổng kết thi hành các Luật như: Luật Tổ chức chính quyền địa phương; Luật Tổ chức Chính phủ; Luật Cán bộ, công chức; Luật Viên chức, Luật Hoạt động chữ thập đỏ để chuẩn bị hồ sơ cho việc Lập đề nghị sửa đổi, bổ sung các luật nêu trên. Tiếp tục thực hiện nhiệm vụ thành viên Tổ công tác của Thủ tướng Chính phủ về rà soát VBQPPL. Bộ đã hoàn thành nội dung rà soát VBQPPL thuộc lĩnh vực Nội vụ theo Đề án 06; hoàn thành nội dung rà soát hệ thống VBQPPL thuộc lĩnh vực Nội vụ theo Nghị quyết 110, Kỳ họp thứ 6, Quốc hội khóa XV về việc xem xét, xử lý kết quả rà soát hệ thống VBQPPL; hoàn thành rà soát, đề xuất phương án xử lý VBQPPL có phản ánh vướng mắc, bất cập theo chỉ đạo của Thủ tướng Chính phủ tại Văn bản số 689/TTg-PL ngày 29/7/2023.

d) Công tác hợp nhất VBQPPL; công tác pháp điển hệ thống quy phạm pháp luật; công tác phổ biến, giáo dục pháp luật; công tác theo dõi thi hành pháp luật đã được Bộ nghiêm túc tổ chức thực hiện theo quy định và đạt kết quả tốt.

đ) Về Cơ sở dữ liệu (CSDL) quốc gia về pháp luật: Bộ đã tổ chức thực hiện nghiêm quy định tại Nghị định số 52/2015/NĐ-CP ngày 28/5/2015 của Chính phủ về CSDL quốc gia về pháp luật; trong 6 tháng đầu năm 2024, Bộ đã tiến hành rà soát và cập nhật vào CSCL quốc gia về pháp luật các VBQPPL thuộc lĩnh vực QLNN của Bộ Nội vụ, gồm: **01** Nghị quyết của Ủy ban Thường vụ Quốc hội²²; **05** Nghị định²³, **02** Quyết định²⁴ của Thủ tướng Chính phủ; **01** Thông tư²⁵ và **02** văn bản hợp nhất²⁶; cập

²² Nghị quyết số 35/2023/UBTVQH15 ngày 12/7/2023 về việc sắp xếp ĐVHC cấp huyện, cấp xã giai đoạn 2023 - 2030.

²³ Nghị định số 28/2024/NĐ-CP ngày 06/3/2023 quy định chi tiết trình tự, thủ tục xét tặng, truy tặng “Huy chương Thanh niên xung phong về vàng” và việc khen thưởng tổng kết thành tích kháng chiến; Nghị định 29/2024/NĐ-CP 06/03/2024 Quy định tiêu chuẩn chức danh công chức lãnh đạo, quản lý trong cơ quan hành chính nhà nước; Nghị định số 66/2023/NĐ-CP ngày 24/8/2023 sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 54/2018/NĐ-CP ngày 16 tháng 4 năm 2018 của Chính phủ hướng dẫn việc lấy ý kiến cử tri về thành lập, giải thể, nhập, chia, điều chỉnh địa giới đơn vị hành chính; Nghị định số 07/2024/NĐ-CP ngày 01/02/2024 quy định chi tiết bầu, tuyển dụng, sử dụng, quản lý cán bộ, công chức làm việc tại xã, thị trấn và cán bộ phường của thành phố Hồ Chí Minh; Nghị định số 69/2023/NĐ-CP ngày 14/9/2024 sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 159/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 về quản lý người giữ chức danh, chức vụ và người đại diện phần vốn nhà nước tại doanh nghiệp.

²⁴ Quyết định số 23/2023/QĐ-TTg ngày về thành lập tổ chức phối hợp liên ngành; Quyết định số 06/2024/QĐ-TTg ngày 05/4/2024 của Thủ tướng Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Quyết định số 27/2022/QĐ-TTg ngày 19/12/2022 của Thủ tướng Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Học viện Hành chính Quốc gia trực thuộc Bộ Nội vụ

²⁵ Thông tư 01/2024/TT-BNV ngày 24/2/2024 quy định biện pháp thi hành Luật Thi đua, khen thưởng và Nghị định số 98/2023/NĐ-CP ngày 31/12/2023 của CP quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Thi đua, khen thưởng

²⁶ (1) Văn bản hợp nhất số 1/VBHN-BNV ngày 08/01/2024 của Bộ Nội vụ hợp nhất Nghị định số 115/2020/NĐ-CP ngày 25/9/2020 của Chính phủ quy định về tuyển dụng, sử dụng và quản lý viên chức và Nghị định số 85/2023/NĐ-CP ngày 07/12/2023 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 115/2020/NĐ-CP ngày 25/9/2020 của Chính phủ quy định về tuyển dụng, sử dụng và quản lý viên chức; (2) Văn bản hợp nhất số 2/VBHN-BNV ngày 12/4/2024 của Bộ Nội vụ hợp nhất Quyết định số 27/2022/QĐ-TTg ngày 19/12/2022 của Thủ tướng Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Học viện Hành chính Quốc gia trực thuộc Bộ Nội vụ và Quyết định số 06/2024/QĐ-TTg ngày 05/4/2024 của Thủ tướng Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Quyết định số 27/2022/QĐ-TTg ngày 19/12/2022 của Thủ tướng Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Học viện Hành chính Quốc gia trực thuộc Bộ Nội vụ.

nhật quá trình thay đổi hiệu lực của **03** Nghị định²⁷ và **01** Quyết định²⁸. Ngoài ra, Bộ tiếp tục vận hành chuyên trang trên Cổng thông tin điện tử của Bộ Nội vụ để kết nối, tích hợp CSDL quốc gia về pháp luật theo quy định tại Nghị định số 52/2015/NĐ-CP ngày 28/5/2015 của Chính phủ.

3. Cải cách thủ tục hành chính

Bộ trưởng Bộ Nội vụ đã ban hành Kế hoạch kiểm soát TTHC năm 2024 của Bộ Nội vụ²⁹; đồng thời, Bộ đã rà soát TTHC nội bộ theo Quyết định số 1085/QĐ-TTg ngày 15/9/2022 của Thủ tướng Chính phủ, theo đó, ngày 19/01/2024, Bộ đã có Báo cáo số 306/BC-BNV về kết quả rà soát, cắt giảm, đơn giản hóa TTHC nội bộ trong hệ thống hành chính nhà nước thuộc phạm vi quản lý của Bộ Nội vụ.

a) Về công bố, công khai TTHC, danh mục TTHC:

Công bố danh mục TTHC có đủ điều kiện thực hiện dịch vụ công trực tuyến (DVCTT) toàn trình thuộc thẩm quyền giải quyết của Bộ Nội vụ³⁰, đồng thời Bộ đã có văn bản báo cáo việc rà soát, đề xuất bổ sung danh mục TTHC đủ điều kiện thực hiện DVCTT toàn trình³¹; công bố danh mục TTHC cấp địa phương thuộc phạm vi QLNN của Bộ Nội vụ đủ điều kiện thực hiện DVCTT toàn trình³². Các đơn vị thuộc, trực thuộc tập trung triển khai tốt việc công bố, niêm yết, công khai TTHC, đồng thời đăng tải đầy đủ nội dung trên Cổng thông tin điện tử và tại Bộ phận Một cửa của Bộ. Bộ trưởng Bộ Nội vụ cũng đã ban hành các Quyết định: Công bố TTHC được sửa đổi, thay thế thuộc phạm vi QLNN của Bộ Nội vụ về lĩnh vực Chính quyền địa phương³³; công bố TTHC quy định tại Nghị định số 06/2023/NĐ-CP ngày 21/02/2023 của Chính phủ quy định về kiểm định chất lượng đầu vào công chức thuộc chức năng QLNN của Bộ Nội vụ³⁴; công bố TTHC quy định tại Nghị định số 85/2023/NĐ-CP ngày 07/12/2023 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 115/2020/NĐ-CP ngày 25/9/2020 về tuyển dụng, sử dụng và quản lý viên chức³⁵; công bố TTHC quy định tại Nghị định số 98/2023/NĐ-CP ngày 31/12/2023 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Thi đua, khen thưởng³⁶; công bố TTHC quy định tại Nghị định số 28/2024/NĐ-CP ngày 06/3/2024 của Chính phủ quy định chi tiết trình tự, thủ tục xét tặng, truy tặng “Huy chương Thanh niên xung phong vẻ vang” và việc

²⁷ Nghị định số 54/2018/NĐ-CP ngày 16 tháng 4 năm 2018 của Chính phủ hướng dẫn việc lấy ý kiến cử tri về thành lập, giải thể, nhập, chia, điều chỉnh địa giới đơn vị hành chính. Nghị định số 159/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 về quản lý người giữ chức danh, chức vụ và người đại diện phần vốn nhà nước tại doanh nghiệp. Nghị định số 33/2021/NĐ-CP của Chính phủ ngày 29/3/2021 quy định chi tiết và biện pháp thi hành Nghị quyết số 131/2020/QH14 ngày 16 tháng 11 năm 2020 của Quốc hội về tổ chức chính quyền đô thị tại Thành phố Hồ Chí Minh.

²⁸ Quyết định số 27/2022/QĐ-TTg ngày 19/12/2022 quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Học viện Hành chính Quốc gia trực thuộc Bộ Nội vụ.

²⁹ Quyết định số 61/QĐ-BNV ngày 31/01/2024.

³⁰ Quyết định số 1008/QĐ-BNV ngày 14/12/2023.

³¹ Công văn số 829/BNV-VP ngày 20/02/2024.

³² Quyết định số 179/QĐ-BNV ngày 15/3/2024.

³³ Quyết định số 1096/QĐ-BNV ngày 31/12/2023.

³⁴ Quyết định số 1097/QĐ-BNV ngày 31/12/2023.

³⁵ Quyết định số 1098/QĐ-BNV ngày 31/12/2023, Quyết định số 168/QĐ-BNV ngày 12/3/2024.

³⁶ Quyết định số 1099/QĐ-BNV ngày 31/12/2023.

khen thưởng tổng kết thành tích kháng chiến trên Cơ sở dữ liệu quốc gia về TTHC³⁷.

Tính đến thời điểm báo cáo, tổng số TTHC thuộc phạm vi quản lý của Bộ Nội vụ là **252** thủ tục (gồm: **130** TTHC cấp Trung ương, **79** TTHC cấp tỉnh, **28** TTHC cấp huyện, **15** TTHC cấp xã). Các TTHC đều được niêm yết, công khai tại Bộ phận Một cửa của Bộ, đăng tải trên Cổng thông tin điện tử của Bộ và công khai trên Cổng dịch vụ công quốc gia để tạo điều kiện thuận lợi cho người dân, tổ chức trong việc tiếp cận, tra cứu, thực hiện TTHC.

Ngày 13/6/2024, Bộ trưởng Bộ Nội vụ đã ban hành Thông tư số 03/2024/TT-BNV quy định phân cấp một số nhiệm vụ quản lý nhà nước về tín ngưỡng, tôn giáo của Bộ Nội vụ để thực thi phương án phân cấp tại Quyết định số 1015/QĐ-TTg ngày 30/8/2022 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt phương án phân cấp trong giải quyết TTHC thuộc phạm vi quản lý của các bộ, cơ quan ngang bộ. Hiện tại, Bộ Nội vụ đang khẩn trương xây dựng Quyết định công bố TTHC được phân cấp trong Thông tư số 03/2024/TT-BNV nêu trên.

b) Rà soát, đơn giản hóa TTHC:

- Kết quả rà soát, cắt giảm, đơn giản hóa quy định kinh doanh theo Nghị quyết số 68/NQ-CP ngày 12/5/2020 của Chính phủ:

Các quy định liên quan đến hoạt động kinh doanh của Bộ Nội vụ thuộc lĩnh vực Văn thư - Lưu trữ thực hiện theo Luật Lưu trữ số 01/2011/QH 13, Nghị định số 01/2013/NĐ-CP ngày 03/01/2013 của Chính phủ. Hiện nay, Bộ Nội vụ có **12** quy định liên quan đến hoạt động kinh doanh (**02** TTHC, **06** yêu cầu, điều kiện và **04** tiêu chuẩn, quy chuẩn). Trong quá trình tham mưu xây dựng Luật Lưu trữ (sửa đổi), để phù hợp với các quy định của pháp luật hiện hành và các yêu cầu về cải cách TTHC, cải thiện môi trường kinh doanh, Bộ đã rà soát và đề xuất cắt giảm, đơn giản hóa tối đa các TTHC, yêu cầu điều kiện liên quan đến hoạt động kinh doanh lĩnh vực Lưu trữ như: bãi bỏ TTHC cấp Giấy chứng nhận kết quả kiểm tra nghiệp vụ lưu trữ; đơn giản hóa TTHC cấp, cấp lại Chứng chỉ hành nghề lưu trữ (Chứng chỉ hành nghề lưu trữ sử dụng vĩnh viễn thay vì có thời hạn sử dụng 05 năm như hiện nay, cắt giảm, đơn giản hóa thành phần hồ sơ); bỏ các quy định về yêu cầu điều kiện (tại khoản 1, 2 Điều 36 Luật Lưu trữ năm 2011); không yêu cầu tất cả các cá nhân thực hiện hoạt động dịch vụ lưu trữ của tổ chức phải có Chứng chỉ hành nghề lưu trữ, chỉ những cá nhân phụ trách chuyên môn nghiệp vụ lưu trữ của tổ chức kinh doanh dịch vụ lưu trữ phải có Chứng chỉ hành nghề lưu trữ, người có bằng cao đẳng trở lên chuyên ngành Lưu trữ không yêu cầu phải có Chứng chỉ hành nghề lưu trữ khi thực hiện dịch vụ lưu trữ, cá nhân độc lập kinh doanh dịch vụ lưu trữ không phải đăng ký hoạt động dịch vụ lưu trữ tại cơ quan thực hiện nhiệm vụ quản lý nhà nước về lưu trữ và không cần có cơ sở vật chất phù hợp. Như vậy, theo dự thảo Luật Lưu trữ (sửa đổi) và các văn bản hướng dẫn Luật Lưu trữ (sửa đổi), các quy định liên quan đến hoạt động kinh doanh lĩnh vực lưu trữ thuộc phạm vi chức năng quản lý nhà nước của Bộ Nội vụ đã cắt giảm được **50%** quy định về TTHC, **04** lần số lượng hồ sơ đề nghị cấp, cấp lại Chứng

³⁷ Quyết định số 213/QĐ-BNV ngày 29/3/2024.

chỉ hành nghề lưu trữ của các đối tượng thực hiện TTHC (vì dự thảo Luật Lưu trữ (sửa đổi) có **04** loại hình hoạt động dịch vụ lưu trữ), gần **40%** thành phần hồ sơ của TTHC, hơn **60%** quy định về yêu cầu điều kiện kinh doanh.

- Kết quả rà soát, đơn giản hóa TTHC nội bộ theo Quyết định số 1085/QĐ-TTg ngày 15/9/2022 của Thủ tướng Chính phủ:

+ Số lượng TTHC nội bộ đã công bố theo Quyết định số 1085/QĐ-TTg: **14** TTHC (tại Quyết định số 507/QĐ-BNV ngày 13/7/2023 về việc công bố TTHC nội bộ giữa các cơ quan hành chính nhà nước thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Nội vụ).

+ Số lượng TTHC nội bộ đã được phê duyệt phương án cắt giảm, đơn giản hóa: Không phát sinh trong kỳ báo cáo.

+ Số lượng TTHC nội bộ đã thực thi phương án cắt giảm, đơn giản hóa: Không phát sinh trong kỳ báo cáo.

+ Bộ Nội vụ đã thực hiện rà soát, lập danh mục TTHC và nội dung cụ thể của **34** TTHC nội bộ thực hiện tại Bộ gửi Văn phòng Chính phủ để tổng hợp³⁸.

- Kết quả thực thi phương án phân cấp trong giải quyết TTHC theo Quyết định số 1015/QĐ-TTg ngày 30/8/2022 của Thủ tướng Chính phủ:

Bộ Nội vụ có **55** TTHC thuộc lĩnh vực tín ngưỡng, tôn giáo và lĩnh vực Tổ chức phi chính phủ cần thực thi phương án phân cấp theo Quyết định số 1015/QĐ-TTg ngày 30/8/2022 của Thủ tướng Chính phủ:

+ Đối với **40** TTHC lĩnh vực Tôn giáo, tín ngưỡng, lộ trình thực hiện trong giai đoạn 2022 - 2025: Căn cứ Nghị định số 95/2023/NĐ-CP ngày 29/12/2023, quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật tín ngưỡng, tôn giáo, Bộ Nội vụ đang hoàn thiện Thông tư phân cấp ủy quyền một số nhiệm vụ quản lý nhà nước về tín ngưỡng, tôn giáo của Bộ Nội vụ.

+ Đối với **15** TTHC lĩnh vực Tổ chức phi chính phủ, lộ trình thực hiện trong giai đoạn 2022 - 2023: Ngày 06/12/2023, Bộ Nội vụ đã có Tờ trình số 7177/TTr-BNV trình Chính phủ ban hành Nghị định thay thế Nghị định số 45/2010/NĐ-CP ngày 21/4/2010 của Chính phủ quy định về tổ chức, hoạt động và quản lý hội, tại dự thảo Nghị định đã phân cấp 06 TTHC về hội thuộc thẩm quyền giải quyết từ Chủ tịch UBND cấp tỉnh về Chủ tịch UBND cấp huyện.

+ Đối với nhóm **09** TTHC về quỹ phân cấp thẩm quyền giải quyết TTHC từ Chủ tịch UBND cấp tỉnh về Chủ tịch UBND cấp huyện: Bộ Nội vụ đã xây dựng dự thảo Nghị định sửa đổi, bổ sung Nghị định số 93/2019/NĐ-CP ngày 25/11/2019 của Chính phủ về tổ chức, hoạt động của quỹ xã hội, quỹ từ thiện, lấy ý kiến của các bộ, ngành, địa phương (dự kiến tháng 8/2024 trình Chính phủ xem xét, ban hành); tại dự thảo Nghị định đã phân cấp **09** TTHC về lĩnh vực quỹ thuộc thẩm quyền giải quyết từ Chủ tịch UBND cấp tỉnh về Chủ tịch UBND cấp huyện.

- Kết quả thực thi 19 Nghị quyết của Chính phủ về đơn giản hóa TTHC, giấy tờ công dân liên quan đến quản lý dân cư:

³⁸ Công văn số 2795/BNV-VP ngày 20/5/2024.

Bộ Nội vụ không có TTHC phải thực hiện đơn giản hóa theo 19 Nghị quyết của Chính phủ về đơn giản hóa thủ tục hành chính, giấy tờ công dân liên quan đến quản lý dân cư. Thực hiện Nghị quyết số 50/NQ-CP ngày 08/4/2023 Hội nghị trực tuyến Chính phủ với địa phương và Phiên họp Chính phủ thường kỳ tháng 3/2023, Chỉ thị số 05/CT-TTg ngày 23/02/2023 tiếp tục đẩy mạnh triển khai Đề án phát triển ứng dụng dữ liệu về dân cư, định danh và xác thực điện tử phục vụ chuyển đổi số quốc gia giai đoạn 2022 - 2025, tầm nhìn đến năm 2030 và để tạo điều kiện thuận lợi nhất cho các tổ chức, cá nhân trong quá trình giải quyết TTHC, Bộ đã ban hành văn bản gửi các đơn vị thuộc, trực thuộc bộ không yêu cầu cá nhân, tổ chức xuất trình hoặc nộp sổ hộ khẩu, sổ tạm trú và các giấy tờ chứng minh về cư trú quá trình giải quyết TTHC, dịch vụ công³⁹.

c) Về thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông của Bộ:

Bộ Nội vụ hiện nay đang triển khai việc tiếp nhận và giải quyết TTHC trên hệ thống một cửa điện tử tại địa chỉ <https://dichvucong.moha.gov.vn>. Việc tiếp nhận và giải quyết TTHC trên hệ thống một cửa điện tử được thực hiện theo đúng quy định tại Nghị định số 61/2018/NĐ-CP ngày 23/4/2018 của Chính phủ về thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính và Nghị định số 107/2021/NĐ-CP ngày 06/12/2021 sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 61/2018/NĐ-CP. Bên cạnh đó, Bộ Nội vụ đang phối hợp với các đơn vị liên quan tiến hành hợp nhất Cổng dịch vụ công, Hệ thống Một cửa điện tử và các phần mềm giải quyết TTHC lĩnh vực thi đua - khen thưởng, tôn giáo thành Hệ thống thông tin giải quyết TTHC cấp Bộ.

Việc số hóa hồ sơ, kết quả giải quyết TTHC tại bộ phận một cửa của Bộ Nội vụ được thực hiện theo đúng quy định; **100%** hồ sơ (trừ văn bản Mật) được số hóa theo dõi, quản lý và giải quyết TTHC trên phần mềm một cửa của Bộ Nội vụ; không yêu cầu người dân, tổ chức cung cấp giấy tờ, kết quả giải quyết TTHC đã được số hóa. Đồng thời, Hệ thống thông tin giải quyết TTHC của Bộ Nội vụ đã được kết nối với Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư và kho dữ liệu cá nhân trên Cổng dịch vụ công quốc gia để phục vụ người dân, tổ chức khi thực hiện TTHC.

d) Tiếp nhận, xử lý phản ánh, kiến nghị về TTHC:

Việc tiếp nhận và xử lý phản ánh, kiến nghị (PAKN) trong giải quyết TTHC được chú trọng, Bộ đã phân công công chức theo dõi, đôn đốc các đơn vị trả lời ý kiến PAKN của người dân và doanh nghiệp trên Hệ thống tiếp nhận PAKN, qua đó kịp thời, tháo gỡ vướng mắc, tăng cường kỷ luật, kỷ cương hành chính. Trong 6 tháng đầu năm 2024, Bộ Nội vụ nhận được **08** PAKN về quy định, TTHC; đã xem xét xử lý **07** PAKN.

đ) Tình hình, kết quả giải quyết TTHC:

- Tổng số hồ sơ TTHC đã tiếp nhận trong Quý II/2024 là **8.492**, trong đó: Số mới tiếp nhận trong kỳ: **4.934** (trực tuyến: **2.659**; trực tiếp và qua dịch vụ bưu chính: **2.275**); số từ kỳ trước chuyển qua: **3.558**.

³⁹ Công văn số 3713/BNV-VP ngày 15/7/2023.

- Số lượng hồ sơ đã giải quyết: **4.849**; trong đó, giải quyết trước hạn: **18**, đúng hạn: **4.828**, quá hạn: **03**.

- Số lượng hồ sơ đang giải quyết: **3.643**; trong đó, trong hạn: **3.640**, quá hạn: **03**.

e) Thực hiện TTHC trên môi trường điện tử:

Tiếp tục triển khai thực hiện Nghị định số 45/2020/NĐ-CP ngày 08/4/2020 của Chính phủ về thực hiện TTHC trên môi trường điện tử; Quyết định số 468/QĐ-TTg ngày 27/3/2021 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đề án đổi mới việc thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết TTHC, phần mềm Một cửa, một cửa liên thông điện tử đã được Bộ Nội vụ đưa vào sử dụng, có thể tiếp nhận hồ sơ trực tuyến trên Cổng dịch vụ công quốc gia và tại địa chỉ “<https://dichvucong.moha.gov.vn/index.zul>” đã được đồng bộ trạng thái hồ sơ TTHC với Cổng dịch vụ công quốc gia (có các tính năng tích hợp, kết nối để công dân, tổ chức nộp hồ sơ trực tuyến trên Cổng dịch vụ công quốc gia).

Việc ứng dụng dịch vụ công trực tuyến vào tiếp nhận và giải quyết các TTHC là một trong những nội dung quan trọng trong CCHC được Bộ Nội vụ đẩy mạnh thực hiện nhằm giảm thời gian, chi phí đi lại cho việc gửi hồ sơ và nhận kết quả giải quyết TTHC của các tổ chức, cá nhân; tăng tính công khai, minh bạch khi giải quyết TTHC; nâng cao trách nhiệm, trình độ chuyên môn và kiến thức về công nghệ thông tin của cán bộ, công chức được phân công xử lý hồ sơ thủ tục hành chính. Hệ thống dịch vụ công trực tuyến của Bộ Nội vụ được xây dựng, vận hành đáp ứng được các điều kiện theo quy định của Chính phủ, đảm bảo tính mở, phù hợp với thực tế khi kết hợp xử lý song song trên môi trường điện tử và truyền thống để từng bước điện tử hóa. Bộ đã tích hợp tài khoản của Kho bạc nhà trên hệ thống phần mềm Một cửa điện tử, sẵn sàng cung cấp việc thực hiện thanh toán trực tuyến nếu các TTHC của Bộ có yêu cầu nộp phí. Hiện tại, Bộ có **131** TTHC thuộc thẩm quyền giải quyết của Bộ, trong đó, có **48** TTHC triển khai thực hiện DVCTT toàn trình.

g) Truyền thông hỗ trợ hoạt động kiểm soát TTHC:

Bộ Nội vụ đang tiếp tục triển khai thực hiện công tác phổ biến, tuyên truyền về hoạt động kiểm soát TTHC qua các hình thức như sau: Đội ngũ CCVC tại Bộ phận Một cửa của Bộ Nội vụ tiếp tục hướng dẫn người dân, tổ chức thực hiện nộp hồ sơ đề nghị giải quyết TTHC trên hệ thống một cửa điện tử của Bộ Nội vụ; niêm yết thông tin về TTHC tại Bộ phận Một cửa của Bộ; công khai thông tin về TTHC, kết quả giải quyết TTHC trên Cổng dịch vụ công và Hệ thống thông tin giải quyết TTHC của Bộ; tổ chức các tập huấn, hội thảo về Kiểm soát TTHC gắn với bồi cảnh Chuyển đổi số của Bộ Nội vụ để nâng cao nhận thức của người dân, tổ chức cũng như đội ngũ CBCCVC của Bộ Nội vụ.

h) Kết quả một số nhiệm vụ khác:

Bộ trưởng Bộ Nội vụ đã ký ban hành Chương trình hành động của Bộ Nội vụ⁴⁰ và đã có Báo cáo tình hình triển khai và kết quả 6 tháng đầu năm 2024⁴¹ việc

⁴⁰ Quyết định số 30/QĐ-BNV ngày 18/01/2024.

⁴¹ Báo cáo số 3342/BC-BNV ngày 13/6/2024.

thực hiện triển khai thực hiện Nghị quyết số 02/NQ-CP ngày 05/01/2024 của Chính phủ về những nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu cải thiện môi trường kinh doanh, năng lực cạnh tranh quốc gia năm 2024 của Chính phủ gửi Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Văn phòng Chính phủ theo quy định; đã cập nhật tình hình thực hiện về số liệu DVCTT theo quy định tại Nghị quyết số 17/NQ-CP ngày 07/3/2019 của Chính phủ về một số nhiệm vụ, giải pháp trọng tâm phát triển Chính phủ điện tử giai đoạn 2019 - 2020, định hướng đến 2025. rà soát các quy định liên quan đến hoạt động kinh doanh của Bộ; cập nhật tiến độ thực hiện các nhiệm vụ được cấp có thẩm quyền giao trên Hệ thống quản lý CSDL theo dõi của Văn phòng Chính phủ; Hệ thống phần mềm quản lý nhiệm vụ Bộ trưởng giao bảo đảm kịp thời, chính xác; kết nối các CSDL của Bộ Nội vụ với CSDL quốc gia về dân cư theo Quyết định số 06/QĐ-TTg ngày 06/01/2022 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đề án phát triển ứng dụng dữ liệu về dân cư, định danh và xác thực điện tử phục vụ chuyển đổi số quốc gia giai đoạn 2022 - 2025, tầm nhìn đến năm 2030.

Tiếp tục thực hiện rà soát, đối khớp dữ liệu giữa CSDL quốc gia về cán bộ, công chức, viên chức (CBCCVC) với CSDL quốc gia về dân cư; ban hành Kế hoạch triển khai Nghị quyết 175/NQ-CP ngày 30/10/2023 của Chính phủ phê duyệt Đề án Trung tâm dữ liệu quốc gia, xác định rõ lộ trình triển khai, đầu mỗi đơn vị chủ trì gửi về Bộ Công an để tổng hợp; phối hợp với Văn phòng Chính phủ hướng dẫn các bộ, ngành, địa phương thực hiện tích hợp, kết nối, chia sẻ, khai thác kết quả số hóa hồ sơ và kết quả giải quyết TTHC điện tử giữa các Hệ thống thông tin giải quyết TTHC cấp bộ, cấp tỉnh thông qua Cổng dịch vụ công quốc gia. Hướng dẫn vị trí việc làm, chế độ chính sách đối với nhân sự thực hiện quản trị, vận hành, phát triển hệ thống thông tin của Trung tâm dữ liệu quốc gia; ban hành tiêu chuẩn về Kho Lưu trữ số và tiêu chuẩn, quy định kết nối các hệ thống lưu trữ điện tử từ Trung ương đến địa phương; phối hợp với Cục Cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội (C06) - Bộ Công an và Đại học Bách khoa Hà Nội triển khai đào tạo Mooc và xây dựng các CSDL chuyên ngành Nội vụ.

4. Cải cách tổ chức bộ máy hành chính

a) Về hoàn thiện thể chế:

Bộ đã chủ trì, phối hợp với các bộ, ngành, cơ quan liên quan quan xây dựng, hoàn thiện thể chế và đạt được kết quả nổi bật như sau: Tham mưu, trình Chính phủ ban hành Nghị quyết số 38/NQ-CP ngày 02/4/2024 của Chính phủ thực hiện Kết luận số 62-KL/TW ngày 02/10/2023 của Bộ Chính trị về thực hiện Nghị quyết số 19-NQ/TW Hội nghị Trung ương khóa XII về tiếp tục đổi mới hệ thống tổ chức và quản lý, nâng cao chất lượng và hiệu quả hoạt động của các đơn vị sự nghiệp công lập (ĐVSNCL); nghiên cứu sửa đổi Luật Tổ chức Chính phủ: Thực hiện Nghị quyết số 99/NQ-CP ngày 10/7/2023 của Chính phủ⁴² và Kế hoạch số 659/BNV-KH ngày 05/02/2024⁴³ của Bộ Nội vụ, Bộ đã ban hành văn bản đề nghị các bộ, ngành, địa phương báo cáo tổng kết, đánh giá thực hiện Luật Tổ chức Chính phủ năm 2015

⁴² Nghị quyết số 99/NQ-CP ngày 10/7/2023 của Chính phủ ban hành Chương trình hành động của Chính phủ thực hiện Kết luận số 50-KL/TW ngày 28/02/2023 của Bộ Chính trị về tiếp tục thực hiện Nghị quyết số 18-NQ/TW.

⁴³ Kế hoạch số 659/BNV-KH ngày 05/02/2024⁴³ về Kế hoạch tổng kết thi hành Luật Tổ chức Chính phủ năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2019) và lập hồ sơ đề nghị xây dựng dự án Luật Tổ chức Chính phủ (sửa đổi).

(sửa đổi, bổ sung năm 2019)⁴⁴ và tổ chức Hội thảo khoa học tổng kết, đánh giá việc thực hiện Luật Tổ chức Chính phủ năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2019). Đến thời điểm báo cáo, Bộ đã hoàn thành việc tổng hợp và xây dựng dự thảo Báo cáo tổng kết, đánh giá thực hiện Luật Tổ chức Chính phủ năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2019); nghiên cứu xây dựng, trình Chính phủ 02 Nghị định: (1) Xây dựng Nghị định thí điểm phân cấp QLNN một số lĩnh vực cho chính quyền Thành phố Hồ Chí Minh; (02) Nghị định sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 123/2016/NĐ-CP⁴⁵ (được sửa đổi, bổ sung tại Nghị định số 101/2020/NĐ-CP), Nghị định số 10/2016/NĐ-CP⁴⁶ (được sửa đổi, bổ sung tại Nghị định số 47/2019/NĐ-CP ngày 05/6/2019) và Nghị định số 120/2020/NĐ-CP⁴⁷. Xây dựng Thông tư sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 12/2022/TT-BNV ngày 30/12/2022 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ hướng dẫn về vị trí việc làm công chức lãnh đạo, quản lý; nghiệp vụ chuyên môn dùng chung; hỗ trợ, phục vụ trong cơ quan, tổ chức hành chính và vị trí việc làm chức danh nghề nghiệp chuyên môn dùng chung; hỗ trợ, phục vụ trong ĐVSNCL.

b) Về công tác tham mưu quản lý ngành, lĩnh vực:

- Về sắp xếp tổ chức bộ máy: Trên cơ sở bám sát quan điểm, nguyên tắc, chủ trương, định hướng sắp xếp tổ chức bộ máy hành chính, bảo đảm tinh gọn, hoạt động hiệu lực, hiệu quả theo tinh thần Nghị quyết Trung ương 6 khóa XII và sự chỉ đạo sát sao của Ban Chỉ đạo đổi mới sắp xếp tổ chức bộ máy của bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ (Ban Chỉ đạo ĐMSXTCBM), các bộ, ngành đã tích cực, chủ động rà soát, sắp xếp tổ chức bộ máy hành chính và ĐVSNCL, cơ bản tinh gọn, nâng cao hiệu quả hoạt động, ngày càng đáp ứng được yêu cầu của xã hội.

Tại Thông báo kết luận số 114/TB-BCĐĐMSXTCBM của Ban Chỉ đạo ĐMSXTCBM đã xác định rõ mục tiêu cụ thể đến năm 2025⁴⁸: (1) Phấn đấu giảm 13,5% ĐVSNCL thuộc phạm vi quản lý của bộ, ngành; (2) Phấn đấu đạt trên 60% ĐVSNCL thuộc phạm vi quản lý của bộ, ngành tự bảo đảm chi thường xuyên trở lên; (3) 100% đơn vị sự nghiệp kinh tế và sự nghiệp khác có đủ điều kiện hoàn thành chuyển đổi thành công ty cổ phần. Theo đó, để phấn đấu đạt được mục tiêu trên, Bộ Nội vụ đã chủ động, tích cực đôn đốc, đề nghị các bộ, ngành, địa phương⁴⁹ tiếp tục triển khai việc thực hiện sắp xếp ĐVSNCL, đồng thời báo cáo kết quả triển khai về Bộ Nội vụ để xây dựng Báo cáo Ban Chỉ đạo ĐMSXTCBM theo quy định.

Đã hoàn thành: (1) Báo cáo Thủ tướng Chính phủ về 02 năm thực hiện Nghị quyết 04/NQ-CP về phân cấp, phân quyền trong QLNN⁵⁰ và Báo cáo rà soát, kiện

⁴⁴ Văn bản số 5453/BNV-TCBC ngày 23/9/2023.

⁴⁵ Nghị định số 123/2016/NĐ-CP ngày 01/9/2016 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của bộ, cơ quan ngang bộ (được sửa đổi, bổ sung tại Nghị định số 101/2020/NĐ-CP ngày 28/8/2020).

⁴⁶ Nghị định số 10/2016/NĐ-CP ngày 01/02/2016 của Chính phủ quy định về cơ quan thuộc Chính phủ (được sửa đổi, bổ sung tại Nghị định số 47/2019/NĐ-CP ngày 05/6/2019).

⁴⁷ Nghị định số 120/2020/NĐ-CP ngày 07/10/2020 của Chính phủ quy định về thành lập, tổ chức lại, giải thể ĐVSNCL.

⁴⁸ Số lượng ĐVSNCL của Bộ, ngành đến năm 2025 là **895** đơn vị, giảm **118** đơn vị so với năm 2022 và giảm **140** đơn vị so với năm 2021.

⁴⁹ Tại các Văn bản số: 1211/BNV-TCBC ngày 08/3/2024; 1748/BNV-TCBC ngày 01/4/2024; 2510/BNV-TCBC ngày 08/5/2024.

⁵⁰ Văn bản số 3158/BNV-TCBC ngày 05/6/2024.

toàn tổ chức phối hợp liên ngành⁵¹; (2) Xây dựng báo cáo của Chính phủ phục vụ Đoàn giám sát của Quốc hội về thực hiện quy định về đổi mới cơ chế quản lý ĐVSNCL theo tinh thần Nghị quyết số 19-NQ/TW để xây dựng Báo cáo của Chính phủ⁵²; (3) Báo cáo kết quả rà soát các VBQPPL do Quốc hội, Ủy ban Thường vụ Quốc hội ban hành (Bộ luật, Luật, Pháp lệnh, Nghị quyết) có quy định về tổ chức, bộ máy⁵³.

Hiện nay, Bộ đang triển khai theo kế hoạch các nhiệm vụ: Tổng kết 20 năm thực hiện mô hình tổ chức bộ máy của Chính phủ (từ khóa XII đến khóa XV), Tổng kết thi hành Luật Tổ chức Chính phủ năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2019) và lập Hồ sơ đề nghị xây dựng Luật Tổ chức Chính phủ (sửa đổi); đã chuẩn bị báo cáo Thủ tướng Chính phủ, Phó Thủ tướng Chính phủ Trần Lưu Quang dự thảo Kế hoạch tổng kết, dự thảo Đề cương Báo cáo tổng kết 20 năm thực hiện mô hình tổ chức bộ máy của Chính phủ và đề nghị Thủ tướng Chính phủ chủ trì Ban Chỉ đạo ĐMSXTCBM để tổ chức triển khai thực hiện; sau khi hoàn thành nhiệm vụ tổng kết 20 năm thực hiện mô hình tổ chức bộ máy của Chính phủ (hoàn thành trong năm 2025), Bộ Nội vụ sẽ xây dựng Kế hoạch xây dựng Đề án cơ cấu tổ chức của Chính phủ nhiệm kỳ khóa XVI (2026 - 2031) để tổ chức triển khai theo tiến độ đề ra theo yêu cầu tại Nghị quyết số 99/NQ-CP ngày 10/7/2023 của Chính phủ.

- Về xây dựng Báo cáo tổng kết thi hành Luật Tổ chức chính quyền địa phương và Hồ sơ đề nghị sửa đổi, bổ sung Luật Tổ chức chính quyền địa phương 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2019): (1) Đã tham mưu Bộ trưởng ký ban hành Quyết định thành lập Tổ công tác tổng kết thi hành Luật và hồ sơ đề nghị sửa đổi, bổ sung Luật⁵⁴; (2) đã gửi Đề cương đề nghị các địa phương xây dựng Báo cáo tổng kết việc thi hành Luật và Báo cáo rà soát pháp luật; (3) tổng hợp xây dựng Báo cáo tổng kết thi hành Luật Tổ chức chính quyền địa phương 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2019).

- Về Đề án “Mô hình tổ chức chính quyền đô thị trực thuộc cấp tỉnh” và Đề án “Đánh giá hoạt động của chính quyền cấp xã giai đoạn 2016 - 2021 và định hướng phát triển đến năm 2030”: Ban hành Văn bản số 318/BNV-CQĐP ngày 19/01/2024 về việc giao Bộ trưởng Bộ Nội vụ chủ động nghiên cứu và phê duyệt 02 Đề án nêu trên làm cơ sở đề xuất sửa đổi, bổ sung Luật Tổ chức chính quyền địa phương, Luật Cán bộ, công chức. Thủ tướng Chính phủ đã thống nhất với đề xuất của Bộ Nội vụ tại Thông báo kết luận Phiên họp Chính phủ tháng 3/2024. Về Đề án Nghiên cứu, hoàn thiện tổ chức chính quyền địa phương phù hợp với địa bàn đô thị, nông thôn, miền núi, hải đảo, đơn vị hành chính - kinh tế đặc biệt: Đang trong quá trình triển khai đề xuất. Về xây dựng Quy hoạch tổng thể đơn vị hành chính (ĐVHC) các cấp đến năm 2030 và tầm nhìn đến năm 2045: Trình Thủ tướng Chính phủ ký ban hành Quyết định số 139/QĐ-TTg ngày 02/02/2024 về Kế hoạch xây dựng Quy hoạch tổng thể ĐVHC các cấp đến năm 2030 và tầm nhìn đến năm 2045. Phối hợp với Bộ Xây dựng tham mưu xây dựng dự thảo Nghị quyết

⁵¹ Văn bản số 2943/BNV-TCBC ngày 27/5/2024.

⁵² Báo cáo số 124/BC-CP ngày 01/4/2024.

⁵³ Văn bản số 246/TCBC ngày 26/4/2024

⁵⁴ Quyết định số 231/QĐ-BNV ngày 29/3/2024.

của Ủy ban Thường vụ Quốc hội hướng dẫn một số nội dung về quy hoạch đô thị, đánh giá phân loại đô thị để thực hiện sắp xếp ĐVHC cấp huyện, cấp xã là đô thị giai đoạn 2023 - 2025. Tham gia phối hợp với các bộ, cơ quan có liên quan và địa phương xây dựng và hoàn thiện các VBQPPL như: Luật Thủ đô, Nghị quyết của Quốc hội sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị quyết số 119/2020/QH14 về thí điểm tổ chức mô hình chính quyền đô thị và một số cơ chế, chính sách đặc thù phát triển thành phố Đà Nẵng; Nghị quyết của Quốc hội về thí điểm bổ sung một số cơ chế, chính sách đặc thù phát triển tỉnh Nghệ An.

- Về công tác địa giới hành chính và đô thị: Tham mưu, giúp Chính phủ trình Ủy ban Thường vụ Quốc hội thông qua 04 Nghị quyết thành lập, nhập, điều chỉnh địa giới hành chính của 04 tỉnh⁵⁵.

- Về sắp xếp ĐVHC cấp huyện, cấp xã: Triển khai thực hiện Kết luận số 48-KL/TW của Bộ Chính trị về tiếp tục sắp xếp ĐVHC cấp huyện, cấp xã giai đoạn 2023 - 2025, đến thời điểm báo cáo, Bộ đã nhận được hồ sơ Đề án của 17 tỉnh, thành phố trong đó: (1) Đã trình Chính phủ 01 hồ sơ Đề án của (tỉnh Nam Định); (2) Đã tổ chức Hội nghị thẩm định 13 hồ sơ Đề án (hiện nay, các địa phương đang hoàn thiện hồ sơ theo ý kiến của Hội đồng thẩm định)⁵⁶; (3) còn 03 hồ sơ Đề án gồm: Thái Bình, Thừa Thiên Huế, Lào Cai.

c) Về quản lý biên chế: Công tác quản lý biên chế từ năm 2022 đến nay được Chính phủ thực hiện theo đúng chủ trương, quy định của Bộ Chính trị tại Kết luận số 40-KL/TW, Quy định số 70-QĐ/TW và Quyết định số 73-QĐ/TW, bảo đảm thống nhất trong quản lý và đến hết năm 2026 số biên chế tối đa bằng số Bộ Chính trị đã phê duyệt. Đồng thời, đẩy mạnh thực hiện phân cấp, phân quyền trong QLNN về biên chế của bộ, ngành gắn với tăng cường công tác kiểm tra, giám sát. Các bộ, ngành về cơ bản đã sử dụng đúng số biên chế được giao (giao biên chế không vượt quá số được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt), chủ động xây dựng chương trình hành động, kế hoạch quản lý biên chế và tinh giản biên chế gắn với việc đẩy mạnh tự chủ về tài chính của từng cơ quan, tổ chức, đơn vị trực thuộc thẩm quyền quản lý. Công tác quản lý biên chế từng bước được thực hiện đồng bộ, thống nhất với quản lý đội ngũ CBCCVN theo vị trí việc làm, gắn với sắp xếp tổ chức bộ máy hành chính nhà nước, cơ cấu lại các ĐVSNCL thuộc phạm vi quản lý bảo đảm tinh gọn, hoạt động hiệu lực, hiệu quả. Kết quả cụ thể: Giai đoạn 2022 - 2026, Bộ Chính trị quản lý, giao biên chế theo mục tiêu, do đó, tại các Quyết định để giao biên chế giai đoạn 05 năm (2022 - 2026) cho các cơ quan của hệ thống chính trị đã thực hiện: Giảm 5% biên chế công chức; giảm 10% biên chế sự nghiệp hưởng lương từ ngân sách Nhà nước (NSNN); trong đó, đối với bộ, ngành, Bộ Nội vụ đã thẩm định số lượng người làm việc hưởng lương

⁵⁵ (1) Nghị quyết Nghị quyết 938/NQ-UBTVQH15 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về việc thành lập thị xã Việt Yên và các phường thuộc thị xã Việt Yên, tỉnh Bắc Giang; (2) Nghị quyết số 939/NQ-UBTVQH15, ngày 13/12/2023 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về việc nhập xã Thiệu Phú vào thị trấn Thiệu Hoá và thành lập thị trấn Hậu Hiền thuộc huyện Thiệu Hoá, tỉnh Thanh Hoá; (3) Nghị quyết số 1012/NQ-UBTVQH15 về việc thành lập phường An Điền, phường An Tây thuộc thị xã Bến Cát và thành lập thành phố Bến Cát, tỉnh Bình Dương; (4) Nghị quyết số 1013/NQ-UBTVQH15 về việc sắp xếp, thành lập các phường thuộc thị xã Gò Công và thành lập thành phố Gò Công, tỉnh Tiền Giang.

⁵⁶ Gồm hồ sơ của các địa phương: Hải Dương, Phú Yên, Cần Thơ, Tiền Giang, Sóc Trăng, Tiền Giang, Thái Nguyên, Vĩnh Phúc, Ninh Thuận, Bình Định, Cà Mau, Yên Bái, Quảng Trị.

từ NSNN trong các ĐVSNCL chưa tự chủ tài chính tại 29 bộ, ngành giai đoạn 2022 - 2026, giảm **17.736** biên chế, tương ứng giảm **14,84%** so với số biên chế giao năm 2021. Đồng thời, Bộ tham mưu xây dựng Báo cáo Ban Chỉ đạo Trung ương về quản lý biên chế để trình Bộ Chính trị cho phép điều chuyển, bổ sung biên chế trong các cơ quan, tổ chức hành chính, ĐVSNCL⁵⁷.

d) Về tinh giản biên chế: Số công chức, viên chức (CCVC) được giải quyết chính sách tinh giản biên chế theo quy định của Chính phủ ở các bộ, ngành, địa phương (2015 - 2023) là **89.775** người (bộ, ngành là 5.915 người; địa phương là 83.860 người), trong năm 2023 là **7.189** người (bộ, ngành là 325 người; địa phương là 6.864 người). Tinh giản biên chế tạo nguồn lực thực hiện cải cách chính sách tiền lương. Theo báo cáo của Bộ Tài chính, dự kiến giảm chi thường xuyên giai đoạn 2022 - 2026 do giảm biên chế hưởng lương từ NSNN⁵⁸ là **2.306.352** (triệu đồng), trong đó lĩnh vực sự nghiệp tiết kiệm được **816.781** (triệu đồng), tiết kiệm chi phí quản lý hành chính là **1.489.571** (triệu đồng). Bộ đã xây dựng Báo cáo Thủ tướng Chính phủ về kết quả thực hiện chính sách tinh giản biên chế từ năm 2015 đến ngày 31/12/2023⁵⁹. Trên cơ sở đó, căn cứ ý kiến của Phó Thủ tướng Chính phủ Trần Lưu Quang⁶⁰, Bộ đã ban hành văn bản chỉ đạo, hướng dẫn bộ, ngành, địa phương⁶¹ triển khai thực hiện tinh giản biên chế theo quy định.

đ) Về vị trí việc làm: Trên cơ sở Thông tư hướng dẫn của Bộ Nội vụ⁶² và các bộ quản lý ngành, lĩnh vực⁶³; các bộ, ngành, địa phương đã chủ động, tích cực trong việc xây dựng kế hoạch và chỉ đạo, tổ chức triển khai thực hiện việc phê duyệt vị trí việc làm. Xác định việc phê duyệt vị trí việc làm là nhiệm vụ trọng tâm cần sớm hoàn thành với tinh thần của Ban Chỉ đạo “vừa làm, vừa hoàn thiện, không cầu toàn” và thực hiện phân cấp hiệu quả trong việc phê duyệt vị trí việc làm, bảo đảm việc triển khai phê duyệt vị trí việc làm theo hướng dẫn của bộ quản lý ngành được đồng bộ, thống nhất, kịp thời, đáp ứng lộ trình cải cách chính sách tiền lương theo quy định của Đảng và của pháp luật. Đến nay, 100% bộ, ngành, địa phương hoàn thành phê duyệt Đề án vị trí việc làm. Trên cơ sở đó, thực hiện có hiệu quả công tác tuyển dụng, quản lý, sử dụng gắn với cơ cấu lại và nâng cao chất lượng đội ngũ CBCCVC theo vị trí việc làm; đồng thời, đặt ra yêu cầu định kỳ rà soát, cập nhật và điều chỉnh vị trí việc làm, bảo đảm phù hợp với yêu cầu nhiệm vụ được giao trong từng giai đoạn.

⁵⁷ Tờ trình số 2439-TTr/BCSĐCP ngày 17/11/2023.

⁵⁸ Nguyên tắc tính số giảm chi: (1) Đối với chi quản lý hành chính: Giảm chi thường xuyên (tính chi lương và chi thường xuyên theo định mức) mỗi năm 1,5% tương ứng với tỷ lệ giảm biên chế hưởng lương từ NSNN (giai đoạn 2023 - 2026 tính giảm 1,5%/năm để đảm bảo tỷ lệ trung bình giai đoạn 2022 - 2026 là 1,2%). (2) Đối với các lĩnh vực sự nghiệp: Giảm chi thường xuyên (tính chi lương và chi theo định mức) mỗi năm 2% tương ứng với tỷ lệ giảm biên chế hưởng lương từ NSNN.

⁵⁹ Báo cáo số 2349/BC-BNV ngày 02/5/2024.

⁶⁰ Văn bản số 3174/VPCP-TCCV ngày 10/5/2024 của Văn phòng Chính phủ về thực hiện tinh giản biên chế.

⁶¹ Văn bản số 2992/BNV-TCBC ngày 28/5/2024.

⁶² 02 Thông tư của Bộ trưởng Bộ Nội vụ hướng dẫn: (1) Vị trí việc làm công chức lãnh đạo, quản lý; nghiệp vụ chuyên môn dùng chung; hỗ trợ, phục vụ trong cơ quan, tổ chức hành chính và vị trí việc làm chức danh nghề nghiệp chuyên môn dùng chung; hỗ trợ, phục vụ trong ĐVSNCL; (2) Xác định cơ cấu ngạch công chức.

⁶³ 20 Thông tư của 20 bộ, ngành hướng dẫn về vị trí việc làm công chức nghiệp vụ chuyên ngành; 17 Thông tư của 15 bộ, ngành hướng dẫn về vị trí việc làm lãnh đạo quản lý và chức danh nghề nghiệp chuyên ngành và cơ cấu viên chức theo chức danh nghề nghiệp trong ĐVSNCL.

Bộ đã hoàn thành báo cáo Thủ tướng về kết quả thực hiện tinh giản biên chế năm 2023⁶⁴ và phối hợp với các bộ, ngành, địa phương rà soát, báo cáo Ban Chỉ đạo xây dựng và quản lý vị trí việc làm trong các cơ quan, tổ chức hành chính, ĐVSNCL về vị trí việc làm CBCCVC và CBCC cấp xã⁶⁵; đồng thời, tham mưu trình Ban cán sự đảng Chính phủ hoàn thiện Tờ trình báo cáo Bộ Chính trị, Ban Chỉ đạo Trung ương về quản lý biên chế về việc điều chuyển biên chế sự nghiệp sang biên chế công chức tại các tổ chức thực hiện chức năng QLNN⁶⁶.

Đối với nhiệm vụ Báo cáo kết quả phê duyệt vị trí việc làm CBCCVC trong các cơ quan, tổ chức hành chính, ĐVSNCL thuộc phạm vi quản lý của bộ, ngành, địa phương, hiện nay, Bộ đang tổng hợp, hoàn thiện để báo cáo Ban Chỉ đạo xây dựng và quản lý vị trí việc làm trong các cơ quan, tổ chức hành chính, ĐVSNCL theo quy định. Về cơ bản công tác quản lý biên chế và tinh giản biên chế đã được tổ chức triển khai bám sát theo yêu cầu của Đảng, Quốc hội và Chính phủ, thực hiện theo đúng chỉ đạo của Ban Chỉ đạo Trung ương về quản lý biên chế thống nhất của hệ thống chính trị; tinh giản biên chế vượt mục tiêu đề ra, tiết kiệm được ngân sách Nhà nước (NSNN),...

e) Công tác cải cách tổ chức bộ máy thuộc phạm vi nội bộ Bộ Nội vụ tiếp tục nhận được sự quan tâm, chỉ đạo sát sao của Bộ trưởng, ngày 05/4/2024, Thủ tướng Chính phủ đã ký ban hành Quyết định số 06/2024/QĐ-TTg sửa đổi, bổ sung một số điều của Quyết định số 27/2022/QĐ-TTg ngày 19/12/2022 quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Học viện Hành chính Quốc gia trực thuộc Bộ Nội vụ; trong đó, đề xuất sửa đổi các quy định để xác định cụ thể nhiệm vụ và quyền hạn về đào tạo các trình độ của giáo dục đại học của Học viện; xác định lại tên các đơn vị ở ngoài trụ sở chính của Học viện và điều khoản chuyển tiếp đảm bảo tính kế thừa, tính liên tục trong thực hiện nhiệm vụ đào tạo ở các Phân hiệu Trường Đại học Nội vụ Hà Nội tại tỉnh Quảng Nam và tại Thành phố Hồ Chí Minh.

Đối với cơ cấu tổ chức của Bộ Nội vụ hiện có **16** đơn vị hành chính cấp Vụ, Cục và tương đương và **04** ĐVSNCL. Chức năng, nhiệm vụ của các đơn vị về cơ bản đã được quy định cụ thể, rõ ràng, chi tiết, qua đó từng bước khắc phục được tình trạng trùng lặp, chồng chéo chức năng, nhiệm vụ, đảm bảo nguyên tắc một tổ chức có thể đảm nhiệm nhiều việc, nhưng một việc chỉ do một tổ chức chủ trì và chịu trách nhiệm chính. Về số lượng cấp phó của người đứng đầu tại các cơ quan, đơn vị thuộc, trực thuộc Bộ được đã thực hiện nghiêm túc, đúng theo quy định của Chính phủ về số lượng cấp phó của người đứng đầu. Bộ trưởng Bộ Nội vụ đã ký ban hành Quyết định sửa đổi, bổ sung số lượng cấp phó của người đứng đầu **02** đơn vị thuộc Bộ (số lượng cấp phó tại Vụ Tổ chức - Biên chế là **03** người, tại Ban Thi đua - Khen thưởng Trung ương là **04** người)⁶⁷.

⁶⁴ Báo cáo số 2349/BC-BNV ngày 02/5/2024.

⁶⁵ Văn bản số 2675-CV/BCSĐCP ngày 23/02/2024.

⁶⁶ Tờ trình số 2439-TTr/BCSĐCP ngày 17/11/2023 (Bộ đã chuẩn bị nội dung đề phục vụ Phiên họp lần thứ 3 của Ban Chỉ đạo Trung ương về quản lý biên chế).

⁶⁷ Quyết định số 341/QĐ-BNV ngày 09/5/2024.

Trong công tác giao biên chế và số lượng người làm việc, Bộ trưởng Bộ Nội vụ đã ký ban hành Quyết định giao biên chế công chức tại các cơ quan, tổ chức hành chính của Bộ năm 2025⁶⁸ và giao số lượng người làm việc tại các đơn vị sự nghiệp của Bộ năm 2025⁶⁹. Số lượng biên chế công chức được giao của năm 2025 cơ bản được giữ nguyên so với năm 2024 (**583** biên chế); tuy nhiên, số lượng người làm việc hưởng lương từ NSNN được giao năm 2025 đã giảm xuống còn **773** người (năm 2024 là **814** người), đồng thời số lượng người làm việc hưởng lương từ nguồn thu sự nghiệp năm 2025 tăng lên là **794** người (năm 2024 là **787** người). Bộ đã ban hành văn bản về thực hiện biên chế năm 2024 của Vụ Chính quyền địa phương và được sử dụng số biên chế được giao năm 2025 (**26** biên chế) từ năm 2024; đồng thời yêu cầu Thủ trưởng đơn vị có trách nhiệm quản lý, sử dụng hiệu quả, đúng quy định số biên chế được giao⁷⁰.

5. Cải cách chế độ công vụ

a) Ngày 30/01/2024, Bộ đã ban hành Kế hoạch số 551/KH-BNV tổng kết thi hành Luật Cán bộ, công chức năm 2008 (sửa đổi, bổ sung năm 2019), Luật Viên chức năm 2010 (sửa đổi, bổ sung năm 2019) và lập hồ sơ đề nghị xây dựng Luật Cán bộ, công chức (sửa đổi), Luật Viên chức (sửa đổi); xây dựng Đề cương báo cáo tổng kết 02 Luật nêu trên. Tính đến thời điểm báo cáo, Bộ đang tổng hợp báo cáo của các bộ, ngành, địa phương và hoàn thiện dự thảo; ban hành Văn bản hợp nhất số 01/VBHN-BNV ngày 08/01/2024 quy định về tuyển dụng, sử dụng và quản lý viên chức giữa Nghị định số 115/2020/NĐ-CP ngày 25/9/2020 và Nghị định số 85/2023/NĐ-CP ngày 07/12/2023; trình Chính phủ ban hành Nghị định số 29/2024/NĐ-CP ngày 06/3/2024 quy định tiêu chuẩn chức danh công chức lãnh đạo, quản lý trong cơ quan hành chính nhà nước.

Về Nghị định sửa đổi, bổ sung Nghị định số 138/2020/NĐ-CP ngày 27/11/2020 của Chính phủ quy định về tuyển dụng, sử dụng và quản lý công chức: Hiện nay, Bộ đang tập trung tiếp thu, giải trình ý kiến thành viên Chính phủ về một số nội dung của dự thảo; Nghị định về chính sách thu hút và trọng dụng người có tài năng vào cơ quan hành chính nhà nước và đơn vị sự nghiệp công lập: Hiện nay, Bộ đang hoàn thiện dự thảo Nghị định; đồng thời báo cáo, đề xuất Thủ tướng Chính phủ cho phép lùi thời gian trình vào Quý IV/2024; Nghị định sửa đổi, bổ sung Nghị định số 83/2022/NĐ-CP ngày 18/10/2022 của Chính phủ quy định về nghỉ hưu ở tuổi cao hơn đối với cán bộ, công chức giữ chức vụ lãnh đạo, quản lý: Thực hiện ý kiến chỉ đạo của Phó Thủ tướng Chính phủ Trần Lưu Quang tại Văn bản số 3173/VPCP-TCCV ngày 10/5/2024 của Văn phòng Chính phủ, Bộ đã hoàn thiện dự thảo và có Văn bản số 222/BNV-CCVC ngày 15/5/2024 đề nghị các cơ quan, tổ chức liên quan tham gia góp ý để tổng hợp, hoàn thiện hồ sơ theo quy định; Quyết định thay thế Quyết định số 402/QĐ-TTg ngày 14/3/2016 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đề án Phát triển đội ngũ CBCCVC người dân tộc thiểu số trong thời kỳ mới: Thực hiện ý kiến chỉ đạo của Phó Thủ tướng Chính phủ Trần Lưu Quang tại Văn bản số 2692/VPCP-TCCV ngày 23/4/2024 của Văn

⁶⁸ Quyết định số 307/QĐ-BNV ngày 02/5/2024.

⁶⁹ Quyết định số 308/QĐ-BNV ngày 02/5/2024.

⁷⁰ Công văn số 3278/BNV-TCCB ngày 10/6/2024.

phòng Chính phủ về Đề án nêu trên và để tiếp tục hoàn thiện Đề án, trình Thủ tướng Chính phủ xem xét, quyết định, Bộ Nội vụ đã có văn bản số 2417/BNV-CCVC 04/5/2024 gửi Ban Tổ chức Trung ương, Ban Dân vận Trung ương, Hội đồng Dân tộc của Quốc hội, Ủy ban Dân tộc đề nghị các cơ quan này nghiên cứu, tham gia góp ý dự thảo Đề án, dự thảo.

Về Thông tư quy định tiêu chuẩn, điều kiện xét thăng hạng viên chức hành chính, viên chức văn thư, viên chức lưu trữ; xếp lương đối với người được tuyển dụng, tiếp nhận vào viên chức; Thông tư sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 13/2022/TT-BNV: Bộ đang hoàn thiện dự thảo để trình cấp có thẩm quyền xem xét, ban hành; Thông tư hướng dẫn quy hoạch, đào tạo, bồi dưỡng, bố trí sử dụng Chỉ huy trưởng, Phó Chỉ huy trưởng Ban Chỉ huy quân sự cấp xã và thực hiện chế độ, chính sách đối với các chức vụ chỉ huy của Ban Chỉ huy quân sự cấp xã: Bộ đã có văn bản gửi lấy ý kiến bộ, ngành, địa phương⁷¹ và đăng tải trên Cổng thông tin điện tử của Bộ Nội vụ để hoàn thiện dự thảo Thông tư.

Về sơ kết 05 năm thực hiện Quyết định số 705/QĐ-TTg ngày 07/6/2019 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đề án sắp xếp, tổ chức lại các cơ sở đào tạo, bồi dưỡng CBCCVC thuộc các cơ quan trong hệ thống chính trị đến năm 2030: Tiếp tục đôn đốc các cơ quan gửi báo cáo kết quả 05 năm triển khai để báo cáo Thủ tướng Chính phủ vào tháng 10/2024.

b) Công tác đánh giá, xếp loại chất lượng CCVC: Có nhiều đổi mới, đi vào thực chất, đánh giá năng lực và hiệu quả làm việc. Tích cực triển khai nhiều biện pháp nhằm siết chặt kỷ luật, kỷ cương hành chính, bảo đảm sự nghiêm minh trong thực thi pháp luật và củng cố niềm tin của Nhân dân theo quy định tại Chỉ thị số 26/CT-TTg ngày 05/9/2016 của Thủ tướng Chính phủ về tăng cường kỷ luật, kỷ cương hành chính trong các cơ quan nhà nước các cấp.

c) Công tác tuyển dụng, sử dụng CCVC: Tiếp tục rà soát, hoàn thiện, đổi mới về tuyển dụng, quản lý và sử dụng CBCCVC gắn với; tiêu chuẩn chức danh công chức lãnh đạo, quản lý và vị trí việc làm; tiếp tục tham mưu thực hiện các nhiệm vụ, giải pháp khắc phục tình trạng né tránh, đùn đẩy trong thực thi nhiệm vụ, công vụ của CBCC; siết chặt kỷ cương, kỷ luật hành chính bảo đảm sự thống nhất, liên thông giữa các quy định của Đảng và pháp luật của Nhà nước.

d) Tổ chức các khóa bồi dưỡng ở nước ngoài⁷²: Thực hiện Quyết định số 60/QĐ-BNV ngày 30/01/2024 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ về việc Phê duyệt Kế hoạch tổ chức các khóa bồi dưỡng ở nước ngoài năm 2024, Ban cán sự đảng Bộ Nội vụ đã ban hành Văn bản số 897-CV/BCSD ngày 28/3/2024 gửi 15 tỉnh chiêu sinh cho khóa bồi dưỡng tại Trường Quản trị Normandie, Cộng hòa Pháp với chủ đề “Chính sách công; Chính phủ số; Lãnh đạo trong bối cảnh chuyển đổi số và toàn cầu hóa” từ ngày 26/5/2024 đến ngày 06/6/2024; ban hành Quyết định thành lập đoàn đi bồi dưỡng tại Trường Quản trị Normandie, Cộng hòa Pháp⁷³; Ban cán sự đảng Bộ Nội vụ ban hành Văn bản số 913-CV/BCSD ngày 05/4/2024 gửi 15

⁷¹ Công văn số 2224/BNV-CCVC ngày 22/4/2024.

⁷² Quyết định số 1641/QĐ-TTg ngày 28/12/2022 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đề án “Bồi dưỡng nâng cao năng lực đội ngũ CBCC lãnh đạo, quản lý trẻ và cán bộ lãnh đạo, quản lý là nữ của chính quyền địa phương ở nước ngoài giai đoạn 2023 - 2025”.

⁷³ Quyết định số 306/QĐ-BNV ngày 02/5/2024.

tỉnh, thành phố chiêu sinh cho khóa bồi dưỡng tại Viện Dịch vụ công Quốc gia (INSP), Cộng hòa Pháp với chủ đề “Cải cách công vụ và chuyển đổi số” từ ngày 16/9/2024 đến ngày 25/9/2024.

đ) Tiếp tục tập trung hoàn thiện CSDL quốc gia về CBCCVC; đẩy mạnh và nâng cao hiệu quả quản lý nhà nước về đào tạo, bồi dưỡng CBCCVC; tiếp tục phối hợp với các bộ, cơ quan ngang bộ rà soát, sửa đổi tiêu chuẩn nghiệp vụ chuyên môn các ngạch công chức thuộc ngành, lĩnh vực quản lý để phù hợp với quy định mới của Luật sửa đổi bổ sung Luật Cán bộ, công chức; đối với hệ thống tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp viên chức: Tiếp tục phối hợp và đôn đốc các bộ, ngành triển khai sửa đổi, bổ sung tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp viên chức cho phù hợp với quy định của Luật Viên chức...

e) Về chính sách tiền lương: Bộ đã trình Chính phủ ban hành Nghị quyết số 24/NQ-CP ngày 20/02/2024 về chế độ phụ cấp đặc biệt đối với CBCCVC, lực lượng vũ trang công tác tại xã Chợ Chun và xã Đắc Tỏi thuộc huyện Nam Giang, tỉnh Quảng Nam; lấy ý kiến thành viên Ban Chỉ đạo Trung ương về dự thảo Tờ trình của Ban Cán sự đảng Chính phủ xin ý kiến Bộ Chính trị về xây dựng các nội dung cụ thể của chế độ tiền lương mới, điều chỉnh lương hưu, trợ cấp bảo hiểm xã hội, trợ cấp hàng tháng và trợ cấp ưu đãi người có công với cách mạng⁷⁴; trình Thủ tướng Chính phủ và Phó Thủ tướng Chính phủ Lê Minh Khái về dự thảo Quyết định của Thủ tướng Chính phủ ban hành Kế hoạch triển khai thực hiện cải cách chính sách tiền lương đối với CBCCVC, lực lượng vũ trang và người lao động trong doanh nghiệp⁷⁵; chuẩn bị tài liệu phục vụ Hội Ban Chỉ đạo Trung ương về cải cách chính sách tiền lương, bảo hiểm xã hội và ưu đãi người có công; thành lập Tổ công tác triển khai thực hiện cải cách chính sách tiền lương mới theo Nghị quyết số 27-NQ/TW đối với CBCCVC, lực lượng vũ trang và người lao động trong doanh nghiệp⁷⁶. Ngày 19/6/2024, Bộ Chính trị đã kết luận về cải cách tiền lương; điều chỉnh lương hưu, trợ cấp BHXH, trợ cấp ưu đãi người có công và trợ cấp xã hội từ ngày 01/7/2024.

g) Trong 06 tháng đầu năm 2024, hầu hết các đơn vị sự nghiệp trực thuộc Bộ và các đơn vị sự nghiệp thuộc các đơn vị hành chính trực thuộc Bộ đều đã được phê duyệt Đề án vị trí việc làm⁷⁷. Đây là bước tiến rất quan trọng trong việc nâng cao công tác quản lý, sử dụng viên chức cũng như tiền đề để thực hiện cải cách chính sách tiền lương theo vị trí việc làm.

Để tiếp tục nâng cao chất lượng đội ngũ CCVC của Bộ, Bộ đã ban hành Kế hoạch sát hạch, tuyển chọn cán bộ trẻ tham gia Đề án “Đào tạo, bồi dưỡng tạo nguồn cán bộ lãnh đạo trẻ các cấp của Bộ Nội vụ giai đoạn 2023 - 2026, định hướng đến năm 2030”⁷⁸; ban hành Kế hoạch bố trí, sử dụng CCVC thực hiện công tác chuyển đổi số tại các đơn vị thuộc, trực thuộc Bộ Nội vụ nhằm xây dựng đội

⁷⁴ Công văn số 30/BNV-TL ngày 18/01/2024.

⁷⁵ Tờ trình số 279/TTr-BNV ngày 18/01/2024.

⁷⁶ Quyết định số 154/QĐ-BNV ngày 04/3/2024.

⁷⁷ Các đơn vị sự nghiệp của Bộ đã được phê duyệt Đề án vị trí việc làm gồm: Trung tâm Thông tin, Viện Khoa học tổ chức nhà nước, Học viện Hành chính Quốc gia, Trung tâm Thông tin - Truyền thông (Ban Thi đua - Khen thưởng Trung ương), các ĐVSNCL thuộc Ban Tôn giáo Chính phủ và Cục Văn thư và Lưu trữ Nhà nước.

⁷⁸ Kế hoạch số 2059/KH-BNV ngày 15/4/2024.

ngũ CCVC có trình độ, năng lực, kinh nghiệm về công nghệ thông tin làm nòng cốt thực hiện chuyển đổi số tại Bộ Nội vụ một cách toàn diện; từng bước tạo nguồn, nâng cao trình độ, năng lực, mức độ chuyên môn hóa của CCVC được giao nhiệm vụ thực hiện chuyển đổi số tại các đơn vị thuộc, trực thuộc Bộ; đẩy nhanh quá trình thực hiện chuyển đổi số, ứng dụng công nghệ số một cách hiệu quả vào các hoạt động của Bộ Nội vụ, góp phần thực hiện Chương trình chuyển đổi số quốc gia đến năm 2025, định hướng đến năm 2030⁷⁹; tiếp tục thực hiện công tác tuyển dụng công chức theo Nghị định số 140/2017/NĐ-CP ngày 05/12/2017 của Chính phủ; đến nay đã ban hành Thông báo kết quả kiểm tra hồ sơ dự tuyển kỳ tuyển dụng công chức Bộ Nội vụ năm 2024 và Quyết định thành lập Hội đồng tuyển dụng công chức Bộ Nội vụ năm 2024. Dự kiến việc tuyển dụng công chức theo Nghị định 140/2017/NĐ-CP của Bộ sẽ hoàn thành trong tháng 7/2024.

Công tác kiện toàn nhân sự lãnh đạo các đơn vị thuộc, trực thuộc Bộ tiếp tục được Ban cán sự đảng Bộ, Lãnh đạo Bộ nghiêm túc chỉ đạo thực hiện. Trong 06 tháng đầu năm 2024, đã thực hiện quy trình, thủ tục và Quyết định bổ nhiệm 02 công chức giữ chức vụ Phó Trưởng ban Ban Thi đua - Khen thưởng Trung ương; bổ nhiệm 03 công chức giữ chức vụ cấp phòng của Văn phòng Bộ, Thanh tra Bộ; bổ nhiệm 01 công chức giữ chức vụ kế toán trưởng; đồng thời, bổ nhiệm lại chức vụ Vụ trưởng Vụ Công tác thanh niên và Chánh Thanh tra Bộ đối với 02 công chức; quyết định bổ nhiệm vào ngạch chuyên viên đối với 04 công chức; bổ nhiệm vào ngạch chuyên viên chính đối với 02 công chức; điều động công tác đối với 03 công chức; đồng ý cho chuyển công tác đối với 05 công chức.

Trong công tác đào tạo, bồi dưỡng CCVC, nghiên cứu, rà soát để sửa đổi, bổ sung các quy định trong Quy chế đào tạo, bồi dưỡng CCVC của Bộ cho phù hợp với tình hình thực tiễn triển khai; trình Bộ trưởng ký ban hành Kế hoạch tổ chức các lớp bồi dưỡng dành cho công chức, viên chức Bộ Nội vụ năm 2024⁸⁰. Trong 06 tháng đầu năm 2024, Bộ đã cử 03 công chức tham gia bồi dưỡng ngạch chuyên viên, thanh tra viên; 10 công chức tham gia bồi dưỡng ngạch chuyên viên chính; 43 CCVC tham gia bồi dưỡng ngạch chuyên viên cao cấp, thanh tra viên cao cấp; 09 CCVC tham gia bồi dưỡng lãnh đạo quản lý cấp vụ, cấp phòng; 10 CCVC của Bộ tham gia các khóa bồi dưỡng kiến thức quốc phòng và an ninh cho đối tượng 2, đối tượng 3; 05 công chức tham gia các đoàn bồi dưỡng tại Cộng hòa Pháp và Nhật Bản; tổ chức các lớp bồi dưỡng: Kỹ năng truyền thông chính sách, pháp luật; Kỹ năng tư duy phản biện, sáng tạo trong giải quyết công việc; Công tác bảo vệ chính trị nội bộ, bí mật nhà nước và giải quyết khiếu nại tố cáo.

6. Cải cách tài chính công

a) Về công tác quản lý tài chính, ngân sách: Trong 6 tháng đầu năm 2024, Bộ đã tổng hợp xây dựng dự toán ngân sách Nhà nước (NSNN) năm 2024 báo cáo Bộ Tài chính đảm bảo chất lượng, đúng thời gian quy định. Thực hiện thẩm tra, phân bổ dự toán cho các đơn vị thuộc và trực thuộc Bộ sử dụng ngân sách

⁷⁹ Kế hoạch số 3420/KH-BNV ngày 17/6/2024.

⁸⁰ Kế hoạch số 2705/KH-BNV ngày 16/5/2024.

đảm bảo đúng thời gian, đúng chế độ, tiêu chuẩn định mức theo quy định của Luật NSNN và theo dự toán chi được Thủ tướng Chính phủ giao và Bộ Tài chính hướng dẫn⁸¹ (Dự toán thu: **1.406** triệu đồng, Dự toán chi: **554.276** triệu đồng); thực hiện thẩm định, phê duyệt dự toán kinh phí thực hiện các nhiệm vụ, đề án của Bộ theo đúng quy định của pháp luật, đồng thời hướng dẫn các đơn vị lập dự toán theo hướng triệt để tiết kiệm các khoản chi thường xuyên, chi cho bộ máy quản lý, chi hoạt động của các đơn vị sự nghiệp, chi phí văn phòng phẩm, điện nước, hội thảo, khánh tiết, công tác trong và ngoài nước. Thường xuyên bám sát, đôn đốc các đơn vị trong việc giải ngân kinh phí, cập nhật kịp thời số kinh phí đã thực hiện và không thực hiện để kịp thời bổ sung cho các nhiệm vụ đột xuất khác. Thực hiện phân bổ 100% dự toán ngân sách được giao, không bị huỷ bỏ kinh phí.

Thực hiện công bố công khai quyết toán NSNN năm 2022 theo quy định⁸²; xây dựng Kế hoạch kiểm tra xét duyệt quyết toán năm 2023 đối với các đơn vị dự toán thuộc và trực thuộc Bộ⁸³; xây dựng Chương trình Thực hành tiết kiệm, chống lãng phí của Bộ Nội vụ năm 2024⁸⁴ và kế hoạch kiểm tra thực hành tiết kiệm, chống lãng phí năm 2024⁸⁵; tổ chức thực hiện kiểm tra, xét duyệt quyết toán ngân sách nhà nước; công tác thực hành tiết kiệm, chống lãng phí và quản lý, sử dụng tài sản công năm 2023 tại các đơn vị dự toán trực thuộc Bộ; sửa đổi, bổ sung về tiêu chuẩn định mức xe ô tô của Bộ Nội vụ⁸⁶; kịp thời chấn chỉnh, chỉ đạo, đôn đốc các đơn vị thực hiện nghiêm các kiến nghị của Kiểm toán Nhà nước đối với báo cáo quyết toán, báo cáo tài chính, báo cáo quyết toán vốn đầu tư công năm 2022⁸⁷; chấn chỉnh công tác triển khai và quản lý chi NSNN cho công nghệ thông tin, chuyển đổi số năm 2024⁸⁸; công bố công khai dự toán NSNN năm 2024 của Bộ Nội vụ⁸⁹; rà soát, điều chỉnh phương án phân bổ dự toán NSNN năm 2024 theo yêu cầu của Bộ Tài chính (cắt giảm, tiết kiệm 5% dự toán chi thường xuyên so với dự toán được giao).

b) Về công tác quản lý, sử dụng tài sản công: Bộ đã có báo cáo tình hình và kết quả triển khai thực hiện Nghị quyết số 53-NQ/BCSD ngày 05/7/2023 của Ban Cán sự đảng Bộ Nội vụ về việc sắp xếp, xử lý cơ sở nhà, đất của các đơn vị thuộc và trực thuộc Bộ năm 2023⁹⁰; thực hiện đôn đốc các đơn vị chuẩn hoá dữ liệu tài sản trong phần mềm Quản lý tài sản công theo yêu cầu của Bộ Tài chính⁹¹; chấn chỉnh, nhắc nhở việc quản lý, sử dụng các cơ sở nhà, đất của Học viện Hành chính Quốc gia⁹²; tham mưu trình Lãnh đạo Bộ ký ban hành Quyết định về việc giữ lại cơ sở nhà, đất tại địa chỉ số 201 Phan Bội Châu, phường Trường An, thành phố Huế làm cơ sở giáo dục, đào tạo cho Phân viện Học viện Hành chính Quốc gia

⁸¹ Quyết định số 1085/QĐ-BNV ngày 29/12/2023.

⁸² Quyết định số 03/QĐ-BNV ngày 05/01/2024.

⁸³ Quyết định số 54/QĐ-BNV ngày 29/01/2024.

⁸⁴ Quyết định số 123/QĐ-BNV ngày 07/02/2024.

⁸⁵ Quyết định số 150/QĐ-BNV ngày 29/02/2024.

⁸⁶ Quyết định số 233/QĐ-BNV ngày 01/4/2024.

⁸⁷ Công văn số 1691/BNV-KHTC ngày 28/3/2024.

⁸⁸ Công văn số 1709/BNV-KHTC ngày 29/3/2024.

⁸⁹ Quyết định số 02/QĐ-BNV ngày 04/01/2024.

⁹⁰ Công văn số 17/KHTC ngày 12/01/2024.

⁹¹ Công văn số 206/BNV-KHTC ngày 12/01/2024.

⁹² Công văn số 1740/BNV-KHTC ngày 31/3/2024.

khu vực miền Trung⁹³; ban hành Quyết định về việc giữ lại cơ sở nhà, đất tại địa chỉ số 02 Trương Quang Tuân, phường Tân Lập, thành phố Buôn Mê Thuột, tỉnh Đắk Lắk làm trụ sở làm việc, giảng dạy, đào tạo cho Phân viện Học viện Hành chính Quốc gia khu vực Tây Nguyên⁹⁴; trình Lãnh đạo Bộ phê duyệt việc mua sắm xe ô tô phục vụ công tác chung cho Trung tâm Lưu trữ Quốc gia I và Trung tâm Lưu trữ Quốc gia IV thuộc Cục Văn thư và Lưu trữ Nhà nước⁹⁵.

c) Về Công tác sử dụng vốn đầu tư công: Thực hiện thông báo chỉ tiêu kế hoạch và phân bổ vốn đầu tư năm 2024⁹⁶, theo đó Bộ Nội vụ đã phân bổ chi tiết 100% kế hoạch đầu tư vốn NSTW giao cho 03 dự án ngay từ đầu năm; rà soát kéo dài thời gian thực hiện và giải ngân vốn đầu tư từ NSNN cho Chương trình phục hồi và phát triển kinh tế - xã hội năm 2023 sang năm 2024⁹⁷; yêu cầu các đơn vị, chủ đầu tư thuộc Bộ tập trung thực hiện đẩy nhanh tiến độ giải ngân vốn đầu tư công năm 2024⁹⁸; đôn đốc chủ đầu tư thực hiện đẩy nhanh tiến độ thực hiện và giải ngân vốn Chương trình phục hồi và phát triển kinh tế - xã hội⁹⁹; đề xuất kéo dài thời gian bố trí vốn NSTW cho dự án đầu tư công thuộc kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021 - 2025¹⁰⁰.

Tình hình thực hiện và thanh toán vốn đầu tư công của các dự án thuộc kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021 - 2025 đến hết tháng 5 năm 2024 là **46.246** triệu đồng trên tổng số **192.880** triệu đồng, đạt **24%** so với kế hoạch giao.

7. Xây dựng và phát triển Chính phủ điện tử, Chính phủ số

Bộ Nội vụ đã ban hành: Quyết định việc bãi bỏ Quyết định số 4223/QĐ-BNV của Bộ Nội vụ ngày 30/12/2016 ban hành Danh mục chuẩn thông tin và Quy định kỹ thuật về dữ liệu dùng cho phần mềm, CSDL CBCCVC và CBCC cấp xã¹⁰¹; Kế hoạch Chuyển đổi số của Bộ Nội vụ năm 2024¹⁰²; Danh mục mã định danh điện tử các cơ quan, đơn vị thuộc và trực thuộc Bộ Nội vụ phục vụ kết nối, chia sẻ dữ liệu¹⁰³; Kế hoạch triển khai Nghị quyết số 175/NQ-CP ngày 30/10/2023 của Chính phủ về việc phê duyệt Đề án Trung tâm dữ liệu quốc gia¹⁰⁴; thành lập Ban biên soạn bộ tài liệu bồi dưỡng về chuyển đổi số và an toàn, an ninh mạng phục vụ công chức, viên chức ngành Nội vụ¹⁰⁵; sửa đổi, bổ sung Quyết định số 893/QĐ-BNV ngày 08/11/2023 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ ban hành Danh mục điện tử dùng chung ngành Nội vụ¹⁰⁶.

Bộ đã xây dựng Báo cáo nghiên cứu, đề xuất đẩy mạnh thông tin, truyền

⁹³ Quyết định số 55/QĐ-BNV ngày 29/01/2024.

⁹⁴ Quyết định số 122/QĐ-BNV ngày 07/02/2024.

⁹⁵ Quyết định số 365/QĐ-BNV ngày 18/5/2024 và Quyết định số 363/QĐ-BNV ngày 18/5/2024.

⁹⁶ Công văn số 7834/BNV-KHTC ngày 31/12/2023, Công văn số 294/BNV-KHTC ngày 18/01/2024, Báo cáo số 1044/BNV-KHTC ngày 29/02/2024.

⁹⁷ Công văn số 852/BNV-KHTC ngày 21/02/2024.

⁹⁸ Công văn số 1749/BNV-KHTC ngày 01/4/2024.

⁹⁹ Công văn số 2461/BNV-KHTC ngày 07/5/2024.

¹⁰⁰ Công văn số 2166/BNV-KHTC ngày 19/4/2024.

¹⁰¹ Quyết định số 22/BNV-TTTT ngày 12/01/2024.

¹⁰² Quyết định số 135/QĐ-BNV ngày 23/02/2024.

¹⁰³ Quyết định số 139/QĐ-BNV ngày 26/02/2024.

¹⁰⁴ Quyết định số 173/QĐ-BNV ngày 13/3/2024.

¹⁰⁵ Quyết định số 189/QĐ-BNV ngày 19/3/2024.

¹⁰⁶ Quyết định số 289/QĐ-BNV ngày 18/4/2024.

thông chính sách qua nền tảng số để thực hiện hiện các tin bài dạng Infographic, Podcast; nâng cao nhận thức, trách nhiệm của lãnh đạo, công chức, viên chức các đơn vị thuộc, trực thuộc Bộ về các lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Nội vụ, về công tác Chuyển đổi số, CCHC, cải cách chế độ công vụ... trên Cổng thông tin điện tử Bộ Nội vụ và qua kênh Zalo OA của Bộ Nội vụ; hoàn thiện Báo cáo nghiên cứu khả thi dự án Chuyển đổi số của Bộ Nội vụ giai đoạn 2, Dự án thành phần 2 theo ý kiến của Bộ Thông tin và Truyền thông, trình Hội đồng thẩm định thiết kế cơ sở; xây dựng phương án, lộ trình di chuyển, hình thức sử dụng dịch vụ điện toán đám mây của Trung tâm Dữ liệu quốc gia đối với các hệ thống thông tin của Bộ Nội vụ đã đăng ký; triển khai kế hoạch dự phòng, sao lưu dữ liệu, bảo đảm hoạt động liên tục của các hệ thống thông tin đặt tại Trung tâm tích hợp dữ liệu; sẵn sàng khôi phục hoạt động bình thường của hệ thống sau khi gặp sự cố; đảm bảo kỹ thuật và công nghệ về hạ tầng công nghệ thông tin khi kết nối hệ thống thông tin của Bộ Nội vụ vào mạng quốc gia theo mô hình thống nhất; cải tạo, mở rộng Trung tâm tích hợp dữ liệu của Bộ Nội vụ theo hướng sử dụng công nghệ điện toán đám mây phục vụ kiểm soát, cung cấp dịch vụ hạ tầng tối ưu với hiệu năng cao của các đơn vị trong Bộ, đảm bảo an toàn thông tin tối thiểu cấp độ 3 trở lên phục vụ phát triển Chính phủ số của Bộ Nội vụ theo yêu cầu đặt ra...

Cũng trong 6 tháng đầu năm 2024, Bộ Nội vụ đã ban hành: Kế hoạch triển khai Đề án 06; Kế hoạch chuyển đổi số năm 2024; Kế hoạch triển khai Nghị quyết 175/NQ-CP ngày 30/10/2023; Kế hoạch phát động, tổ chức Phong trào thi đua “Chuyển đổi số năm 2024 trong công đoàn Bộ Nội vụ; sửa đổi, bổ sung Quyết định số 893/QĐ-BNV ngày 8/11/2023 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ ban hành Danh mục điện tử dung chung ngành Nội vụ; thành lập Ban biên soạn bộ tài liệu bồi dưỡng về chuyển đổi số và an toàn, an ninh mạng phục vụ công chức, viên chức ngành Nội vụ.

a) Về phát triển hạ tầng số: Bộ Nội vụ đang hoàn chỉnh Trung tâm điều hành thông minh với hạ tầng công nghệ thông tin hiện đại, bảo đảm kết nối, tích hợp các cơ sở dữ liệu chuyên ngành Nội vụ để nâng cao được năng lực quản lý điều hành trên môi trường số.

b) Về phát triển dữ liệu số: Hiện nay, Bộ đang tiếp tục rà soát, điều chỉnh, bổ sung chức năng, tính năng, các trường thông tin của Cơ sở dữ liệu quốc gia về CBCCVC bảo đảm phù hợp với tình hình thực tế; khảo sát, thống kê danh mục các cơ quan, tổ chức, đoàn thể phục vụ việc triển khai định danh của tổ chức; rà soát, thống kê các trường thông tin có trong Cơ sở dữ liệu quốc gia (đặc biệt các thông tin có liên quan đến Cơ sở dữ liệu CBCCVC và Cơ sở dữ liệu quốc gia tài liệu lưu trữ) đang được quản lý theo các quy trình, nghiệp vụ chuyên ngành và các trường thông tin cần khai thác; hoàn thành xây dựng các phần mềm, ứng dụng phục vụ Trung tâm điều hành thông minh (IOC); tổ chức đào tạo, tập huấn, hướng dẫn sử dụng cho CCVC, nhất là các CCVC được phân công là quản trị viên của các Cơ sở dữ liệu, Hệ thống thông tin chuyên ngành Nội vụ; triển khai kết nối, tích hợp thử nghiệm, tiến tới hoàn thành việc kết nối, tích hợp chính thức các cơ sở dữ liệu, hệ thống thông tin với IOC.

c) Việc áp dụng Hệ thống quản lý chất lượng theo Tiêu chuẩn TCVN ISO 9001:2008 và TCVN ISO 9001:2015: Bộ trưởng Bộ Nội vụ đã ban hành Quyết định số 88/QĐ-BNV ngày 05/02/2024 về Kế hoạch duy trì áp dụng và cải tiến Hệ thống quản lý chất lượng theo Tiêu chuẩn chất lượng TCVN ISO 9001:2015 vào hoạt động của Bộ Nội vụ năm 2024, theo đó Bộ tiếp tục duy trì, cải tiến và áp dụng Hệ thống quản lý chất lượng theo TCVN ISO 9001:2015 vào hoạt động của Bộ Nội vụ.

II. ĐÁNH GIÁ CHUNG

1. Ưu điểm

a) Công tác CCHC tiếp tục nhận được sự quan tâm, chỉ đạo sát sao của Lãnh đạo Bộ, sự vào cuộc của lãnh đạo các đơn vị thuộc, trực thuộc Bộ.

b) Công tác tham mưu, đôn đốc triển khai thực hiện các nhiệm vụ CCHC được thực hiện kịp thời trên cơ sở bám sát Kế hoạch CCHC năm 2024 của Bộ và các văn bản hướng dẫn, qua đó bảo đảm tiến độ, hiệu quả thực hiện các nhiệm vụ CCHC của Bộ.

2. Tồn tại, hạn chế và nguyên nhân

a) Việc triển khai thực hiện các nhiệm vụ CCHC của một số đơn vị còn mang tính hình thức, một số đơn vị chưa bám sát yêu cầu, hướng dẫn về chế độ báo cáo định kỳ.

b) Một số đơn vị thuộc, trực thuộc Bộ thường xuyên có sự thay đổi về CCVC chuyên trách (phụ trách) công tác CCHC, các CCVC này chưa được bồi dưỡng, tập huấn nâng cao kỹ năng, chuyên môn, nghiệp vụ trong tham mưu, đề xuất triển khai các nhiệm vụ CCHC, dẫn đến chất lượng tham mưu không hiệu quả, việc xây dựng Báo cáo CCHC định kỳ không đảm bảo chất lượng, số liệu không đầy đủ, kịp thời, chính xác, việc ban hành văn bản gửi đơn vị thường trực CCHC của Bộ không đảm bảo thời hạn quy định.

III. MỘT SỐ NHIỆM VỤ TRỌNG TÂM 6 THÁNG CUỐI NĂM 2024

1. Tiếp tục tăng cường công tác chỉ đạo, điều hành nhằm nâng cao chất lượng, hiệu quả công tác CCHC của Bộ, thực hiện các giải pháp nhằm cải thiện và nâng cao Chỉ số CCHC của Bộ, tăng cường công tác thông tin, tuyên truyền CCHC, tiếp tục triển khai Kế hoạch tăng cường năng lực đội ngũ CBCC thực hiện công tác CCHC năm 2024; theo dõi, đôn đốc các bộ, cơ quan, địa phương triển khai thực hiện công tác CCHC theo kế hoạch CCHC của từng bộ, cơ quan, địa phương và Kế hoạch hoạt động, Kế hoạch kiểm tra năm 2024 của Ban Chỉ đạo CCHC của CP.

2. Tiếp tục tổ chức thực hiện hiệu quả Kế hoạch CCHC năm 2024 của Bộ Nội vụ trên cơ sở bám sát Kế hoạch CCHC giai đoạn 2021 - 2025 của Bộ Nội vụ, Nghị quyết số 76/NQ-CP và Chỉ thị số 23/CT-TTg. Trong đó, tập trung xây dựng, triển khai các đề án, dự án về CCHC được giao tại Nghị quyết số 76/NQ-CP; các nhiệm vụ CCHC trọng tâm được Thủ tướng Chính phủ giao tại Chỉ thị số 23/CT-TTg.

3. Tiếp tục tổ chức thực hiện Kế hoạch triển khai Đề án “Hệ thống ứng dụng công nghệ thông tin đánh giá CCHC và đo lường sự hài lòng của người dân

đối với sự phục vụ của cơ quan hành chính nhà nước giai đoạn 2021 - 2030” năm 2024 ban hành kèm theo Quyết định số 20/QĐ-BNV ngày 12/01/2024 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ; triển khai Kế hoạch xác định Chỉ số CCHC của các bộ, cơ quan ngang bộ, UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương năm 2024 (PAR INDEX 2024), Chỉ số đo lường sự hài lòng của người dân đối với sự phục vụ của cơ quan hành chính nhà nước năm 2024 (SIPAS 2024).

4. Xây dựng và tổ chức thực hiện có hiệu quả thể chế thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ; thực hiện xây dựng các VBQPPL, đề án được giao, bảo đảm đúng tiến độ, chất lượng.

5. Tiếp tục rà soát, đề xuất cắt giảm, đơn giản hóa TTHC thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ; tăng cường thực hiện tiếp nhận và giải quyết hồ sơ TTHC trên môi trường điện tử theo quy định tại Nghị định số 45/2020/NĐ-CP; nâng cao hiệu quả hoạt động của Bộ phận Một cửa trong giải quyết TTHC; đẩy mạnh thực hiện số hóa hồ sơ, kết quả giải quyết TTHC.

6. Tổ chức triển khai có hiệu quả các quy định của Chính phủ về sắp xếp tổ chức bộ máy, sắp xếp ĐVHC cấp huyện, cấp xã giai đoạn 2023 - 2030; về quản lý CCVC; chính sách tiền lương; tinh giản biên chế; tiếp tục rà soát, kiện toàn tổ chức bộ máy các cơ quan, đơn vị trực thuộc theo hướng tinh gọn, gắn kết chặt chẽ với thực hiện chính sách tinh giản biên chế; tổ chức thực hiện tốt công tác tuyển dụng, bổ nhiệm, luân chuyển CBCC, bảo đảm đúng với điều kiện, tiêu chuẩn của vị trí việc làm được phê duyệt.

7. Tiếp tục tập trung triển khai các nhiệm vụ xây dựng và phát triển Chính phủ điện tử, chuyển đổi số của Bộ theo các kế hoạch đã ban hành.

8. Tổ chức kiểm tra CCHC tại các cơ quan, đơn vị thuộc, trực thuộc Bộ; nâng cao kỷ luật, kỷ cương hành chính trong thực hiện nhiệm vụ CCHC./.

Nơi nhận:

- Bộ trưởng (để b/c);
- Thứ trưởng Nguyễn Trọng Thừa (để b/c);
- Các đơn vị thuộc, trực thuộc Bộ.
- Lưu: VT, CCHC.

**TL. BỘ TRƯỞNG
VỤ TRƯỞNG
VỤ CẢI CÁCH HÀNH CHÍNH**

Phạm Minh Hùng

Phụ lục I
DANH SÁCH CÁC CƠ QUAN, ĐƠN VỊ BÁO CÁO KẾT QUẢ THỰC HIỆN CÔNG
TÁC CẢI CÁCH HÀNH CHÍNH 6 THÁNG ĐẦU NĂM 2024
(Kèm theo Báo cáo số /BC-BNV ngày / /2024 của Bộ Nội vụ)

STT	Đơn vị	Có báo cáo	Không có báo cáo
1.	Văn phòng Bộ	X	
2.	Vụ Cải cách hành chính	X	
3.	Vụ Công chức - Viên chức	X	
4.	Vụ Công tác thanh niên	X	
5.	Vụ Chính quyền địa phương	X	
6.	Vụ Hợp tác quốc tế	X	
7.	Vụ Tổ chức - Biên chế	X	
8.	Vụ Tổ chức cán bộ	X	
9.	Vụ Tổ chức phi chính phủ	X	
10.	Vụ Kế hoạch - Tài chính	X	
11.	Vụ Pháp chế	X	
12.	Vụ Tiền lương	X	
13.	Thanh tra Bộ	X	
14.	Tạp chí Tổ chức nhà nước	X	
15.	Trung tâm Thông tin	X	
16.	Viện Khoa học tổ chức nhà nước	X	
17.	Học viện Hành chính Quốc gia		X
18.	Cục Văn thư và Lưu trữ Nhà nước	X	
19.	Ban Tôn giáo Chính phủ	X	
20.	Ban Thi đua - Khen thưởng TW	X	
	Tổng cộng	19	01

(Số liệu được cập nhật từ Hệ thống Voffice của Bộ Nội vụ, tính đến hết ngày 21/6/2024)

Phụ lục II
THỐNG KÊ SỐ LIỆU VỀ KẾT QUẢ THỰC HIỆN CÔNG TÁC CẢI CÁCH HÀNH CHÍNH
6 THÁNG ĐẦU NĂM 2024 CỦA BỘ NỘI VỤ
(Kèm theo Báo cáo số /BC-BNV ngày / /2024 của Bộ Nội vụ)

STT	Chỉ tiêu thống kê (Sử dụng cho kỳ báo cáo hàng Quý, 6 tháng và báo cáo năm)	Kết quả thống kê		Đơn vị chủ trì	Ghi chú
		Đơn vị tính	Số liệu		
1.	Công tác chỉ đạo điều hành CCHC			Vụ CCHC	
1.1.	<i>Số văn bản chỉ đạo CCHC đã ban hành</i>	Văn bản	10	Vụ CCHC	
1.2.	Tỷ lệ hoàn thành Kế hoạch CCHC năm (lũy kế đến thời điểm báo cáo)	%	-	Vụ CCHC	
1.1.1.	Số nhiệm vụ đề ra trong kế hoạch	Nhiệm vụ	35	Vụ CCHC	
1.1.2.	Số nhiệm vụ đã hoàn thành	Nhiệm vụ	-	Vụ CCHC	
1.3.	Kiểm tra CCHC			Vụ CCHC	
1.2.1.	Số cơ quan, đơn vị thuộc bộ đã kiểm tra	Cơ quan, đơn vị	-	Vụ CCHC	
1.2.2.	Tỷ lệ xử lý các vấn đề phát hiện qua kiểm tra	%	-	Vụ CCHC	
1.2.3.	Số vấn đề phát hiện qua kiểm tra	Vấn đề	-	Vụ CCHC	
1.2.4.	Số vấn đề phát hiện đã xử lý xong	Vấn đề	-	Vụ CCHC	
1.4.	Thực hiện nhiệm vụ CP, TTg giao			Văn phòng Bộ	
1.4.1.	Tổng số nhiệm vụ được giao	Nhiệm vụ	132 (100%)	Văn phòng Bộ	<i>Trong đó, 23 nhiệm vụ đang chờ VPCP xác nhận hoàn thành</i>
1.4.2.	Số nhiệm vụ đã hoàn thành đúng hạn	Nhiệm vụ	63 (48%)	Văn phòng Bộ	
1.4.3.	Số nhiệm vụ đã hoàn thành nhưng quá hạn	Nhiệm vụ	69 (52%)	Văn phòng Bộ	
1.4.4.	Số nhiệm vụ quá hạn nhưng chưa hoàn thành	Nhiệm vụ		Văn phòng Bộ	
1.5.	Khảo sát sự hài lòng của người dân, tổ chức	Không = 0 Có = 1		Văn phòng Bộ	

STT	Chỉ tiêu thống kê (Sử dụng cho kỳ báo cáo hàng Quý, 6 tháng và báo cáo năm)	Kết quả thống kê		Đơn vị chủ trì	Ghi chú
		Đơn vị tính	Số liệu		
1.5.1.	Số lượng phiếu khảo sát	Số lượng	31	Văn phòng Bộ	
1.5.2.	Hình thức khảo sát	Trực tuyến = 0 Phát phiếu = 1 Kết hợp = 2	Bảng hỏi	Văn phòng Bộ	
2.	Cải cách thể chế			Vụ Pháp chế	
2.1.	Tổng số VBQPPL đã ban hành/tham mưu ban hành	Văn bản	9	Vụ Pháp chế	
2.1.1.	Số luật, pháp lệnh được thông qua	Văn bản	-	Vụ Pháp chế	
2.1.2.	Số nghị định được ban hành	Văn bản	5	Vụ Pháp chế	
2.1.3.	Số thông tư được ban hành	Văn bản	3	Vụ Pháp chế	
2.2.	Tình hình xây dựng, ban hành văn bản quy định chi tiết	Văn bản		Vụ Pháp chế	
2.2.1.	Tổng số văn bản quy định chi tiết được cấp có thẩm quyền giao	Văn bản	-	Vụ Pháp chế	
2.2.2.	Số văn bản quy định chi tiết đã được ban hành	Văn bản	-	Vụ Pháp chế	
2.2.3.	Số văn bản quy định chi tiết còn nợ đọng (quá hạn)	Văn bản	-	Vụ Pháp chế	
2.3.	Tỷ lệ xử lý VBQPPL sau kiểm tra	%		Vụ Pháp chế	
2.3.1.	Tổng số VBQPPL cần phải xử lý sau kiểm tra	Văn bản	-	Vụ Pháp chế	
2.3.2.	Số VBQPPL có kiến nghị xử lý đã được xử lý xong	Văn bản	-	Vụ Pháp chế	
2.4.	Tỷ lệ xử lý VBQPPL sau rà soát	%		Vụ Pháp chế	
2.4.1.	Tổng số VBQPPL cần phải xử lý sau rà soát	Văn bản	-	Vụ Pháp chế	
2.4.2.	Số VBQPPL có kiến nghị xử lý đã được xử lý xong	Văn bản	-	Vụ Pháp chế	
3.	Cải cách thủ tục hành chính			Văn phòng Bộ	
3.1.	Thống kê TTHC	Thủ tục	252	Văn phòng Bộ	
3.1.1.	Số TTHC đã được phê duyệt phương án đơn giản hóa	Thủ tục	0	Văn phòng Bộ	Trong quá trình tham mưu sửa

STT	Chỉ tiêu thống kê (Sử dụng cho kỳ báo cáo hàng Quý, 6 tháng và báo cáo năm)	Kết quả thống kê		Đơn vị chủ trì	Ghi chú
		Đơn vị tính	Số liệu		
					<i>đổi, bổ sung các văn bản quy phạm pháp luật đã thực hiện cắt giảm, đơn giản hóa tổng số 41/110 TTHC (đạt 37, 27%), Bộ Nội vụ đã có Báo cáo số 306/BC-BNV ngày 19/01/2024 gửi Văn phòng Chính phủ.</i>
3.1.2.	Số TTHC công bố mới	Thủ tục	6	Văn phòng Bộ	
3.1.3.	Số TTHC bãi bỏ, thay thế	Thủ tục	62	Văn phòng Bộ	
3.1.4.	Tổng số TTHC đang có hiệu lực thuộc ngành, lĩnh vực do bộ quản lý	Thủ tục	252	Văn phòng Bộ	
<i>Trong đó</i>	Số TTHC cấp Trung ương:	Thủ tục	130	Văn phòng Bộ	
	Số TTHC cấp tỉnh:	Thủ tục	79	Văn phòng Bộ	
	Số TTHC cấp huyện:	Thủ tục	28	Văn phòng Bộ	
	Số TTHC cấp xã:	Thủ tục	15	Văn phòng Bộ	
3.2.	<i>Cắt giảm, đơn giản hóa quy định liên quan đến hoạt động kinh doanh</i>			Văn phòng Bộ	

STT	Chỉ tiêu thống kê (Sử dụng cho kỳ báo cáo hàng Quý, 6 tháng và báo cáo năm)	Kết quả thống kê		Đơn vị chủ trì	Ghi chú
		Đơn vị tính	Số liệu		
3.2.1.	Tổng số quy định đã được thống kê	Quy định	14	Văn phòng Bộ	<i>Trong quá trình tham mưu xây dựng Luật Lưu trữ (sửa đổi), Bộ đã rà soát và đề xuất cắt giảm, đơn giản hóa tối đa các TTHC, yêu cầu điều kiện liên quan đến hoạt động kinh doanh lĩnh vực Lưu trữ: Theo dự thảo Luật Lưu trữ (sửa đổi) đã cắt giảm 50% quy định về thủ tục hành chính, 4 lần số lượng hồ sơ đề nghị cấp, cấp lại Chứng chỉ hành nghề lưu trữ của các đối tượng thực hiện thủ tục hành chính (vi dự thảo</i>

STT	Chỉ tiêu thống kê (Sử dụng cho kỳ báo cáo hàng Quý, 6 tháng và báo cáo năm)	Kết quả thống kê		Đơn vị chủ trì	Ghi chú
		Đơn vị tính	Số liệu		
					<i>Luật Lưu trữ (sửa đổi) có 04 loại hình hoạt động dịch vụ lưu trữ), gần 40% thành phần hồ sơ của thủ tục hành chính, hơn 60% quy định về yêu cầu điều kiện kinh doanh.</i>
3.2.2.	Số quy định đã được phê duyệt phương án cắt giảm, đơn giản hóa	Quy định	0	Văn phòng Bộ	
3.2.3.	Số quy định đã chính thức được cắt giảm, đơn giản hóa	Quy định	0	Văn phòng Bộ	
3.2.4.	Chi phí tuân thủ quy định đã giảm sau khi thực hiện cắt giảm, đơn giản hóa	Triệu đồng	0	Văn phòng Bộ	
3.3.	<i>Thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông</i>			Văn phòng Bộ	
3.3.1.	Số TTHC liên thông cùng cấp	Thủ tục	0	Văn phòng Bộ	
3.3.2.	Số TTHC liên thông giữa các cấp chính quyền	Thủ tục	0	Văn phòng Bộ	
3.3.3.	Số TTHC (thuộc thẩm quyền giải quyết của bộ) đã thực hiện tiếp nhận và giải quyết hồ sơ không phụ thuộc vào địa giới hành chính	Thủ tục	78	Văn phòng Bộ	
3.4.	<i>Kết quả giải quyết TTHC</i>			Văn phòng Bộ	
3.4.1.	Tỷ lệ hồ sơ TTHC được giải quyết đúng hạn	%	-	Văn phòng Bộ	
3.4.1.1	Tổng số hồ sơ TTHC đã giải quyết xong	Hồ sơ	-	Văn phòng Bộ	
3.4.1.2	Số hồ sơ TTHC đã giải quyết đúng hạn	Hồ sơ	-	Văn phòng Bộ	
3.4.2.	Tỷ lệ giải quyết phản ánh, kiến nghị (PAKN) về quy định TTHC	%	0	Văn phòng Bộ	

STT	Chỉ tiêu thống kê (Sử dụng cho kỳ báo cáo hàng Quý, 6 tháng và báo cáo năm)	Kết quả thống kê		Đơn vị chủ trì	Ghi chú
		Đơn vị tính	Số liệu		
3.4.2.1	Tổng số PAKN đã tiếp nhận (trực tiếp hoặc do cơ quan có thẩm quyền chuyển đến)	PAKN	0	Văn phòng Bộ	
3.4.2.2	Số PAKN đã giải quyết xong	PAKN		Văn phòng Bộ	
4.	Cải cách tổ chức bộ máy hành chính nhà nước			Vụ Tổ chức cán bộ	
4.1.	Sắp xếp, kiện toàn tổ chức bộ máy			Vụ Tổ chức cán bộ	
4.1.1.	Tham mưu ban hành Nghị định sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ	Đã trình CP = 2 Đã có dự thảo = 1 Chưa có dự thảo = 0	-	Vụ Tổ chức cán bộ	
4.1.2.	Sắp xếp, kiện toàn chức năng, nhiệm vụ và cơ cấu tổ chức của các cơ quan, đơn vị trực thuộc, đáp ứng các tiêu chí theo quy định.	Hoàn thành = 1 Chưa hoàn thành = 0	-	Vụ Tổ chức cán bộ	
4.1.3.	Ban hành thông tư hướng dẫn chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của cơ quan chuyên môn thuộc UBND cấp tỉnh, cấp huyện theo lĩnh vực, phạm vi quản lý của Bộ Nội vụ.	Đã ban hành = 1 Chưa ban hành = 0	-	Vụ Tổ chức cán bộ	
4.1.4.	Số tổ chức liên ngành do bộ, cơ quan thành lập hoặc được giao chủ trì thực hiện.	Tổ chức	-	Vụ Tổ chức cán bộ	
4.2.	Số liệu về biên chế công chức			Vụ Tổ chức cán bộ	
4.2.1.	Tổng số biên chế được giao trong năm	Người	-	Vụ Tổ chức cán bộ	
4.2.2.	Tổng số biên chế có mặt tại thời điểm báo cáo	Người	-	Vụ Tổ chức cán bộ	
4.2.3.	Số hợp đồng lao động làm việc tại cơ quan hành chính nhà nước	Người	-	Vụ Tổ chức cán bộ	
4.2.4.	Số biên chế đã tinh giản trong kỳ báo cáo	Người	-	Vụ Tổ chức cán bộ	
4.2.5.	Tỷ lệ phần trăm biên chế đã tinh giản so với năm 2015	%	-	Vụ Tổ chức cán bộ	
4.3.	Số người làm việc hưởng lương từ NSNN tại các đơn vị sự nghiệp công lập			Vụ Tổ chức cán bộ	

STT	Chỉ tiêu thống kê (Sử dụng cho kỳ báo cáo hàng Quý, 6 tháng và báo cáo năm)	Kết quả thống kê		Đơn vị chủ trì	Ghi chú
		Đơn vị tính	Số liệu		
4.3.1.	Tổng số biên chế được giao trong năm	Người	-	Vụ Tổ chức cán bộ	
4.3.2.	Tổng số biên chế có mặt tại thời điểm báo cáo	Người	-	Vụ Tổ chức cán bộ	Chỉ tính viên chức
4.3.3.	Số hợp đồng lao động làm việc tại cơ quan, tổ chức hành chính thuộc và trực thuộc Bộ.	Người	-	Vụ Tổ chức cán bộ	
4.3.4.	Số biên chế đã tinh giản trong kỳ báo cáo	Người	-	Vụ Tổ chức cán bộ	
4.3.5.	Tỷ lệ % biên chế đã tinh giản so với năm 2015	%	-	Vụ Tổ chức cán bộ	
5.	Cải cách chế độ công vụ, công chức			Vụ Tổ chức cán bộ	
5.1.	Vị trí việc làm của công chức, viên chức			Vụ Tổ chức cán bộ	
5.1.1.	Ban hành văn bản hướng dẫn về vị trí việc làm công chức nghiệp vụ chuyên ngành được giao quản lý (theo quy định tại Nghị định 62/2020/NĐ-CP)	Đã ban hành = 1 Chưa ban hành = 0	-	Vụ Tổ chức cán bộ	
5.1.2.	Số cơ quan, tổ chức hành chính đã được phê duyệt vị trí việc làm theo quy định	Cơ quan, đơn vị	-	Vụ Tổ chức cán bộ	
5.1.3.	Số đơn vị sự nghiệp đã được phê duyệt vị trí việc làm theo quy định	Cơ quan, đơn vị	-	Vụ Tổ chức cán bộ	
5.1.4.	Số cơ quan, tổ chức có vi phạm trong thực hiện vị trí việc làm phát hiện qua thanh tra	Cơ quan, đơn vị	-	Vụ Tổ chức cán bộ	
5.2.	Tuyển dụng công chức, viên chức			Vụ Tổ chức cán bộ	
5.2.1.	Số công chức được tuyển dụng (thi tuyển, xét tuyển)	Người	-	Vụ Tổ chức cán bộ	
5.2.2.	Số viên chức được tuyển dụng (thi tuyển, xét tuyển).	Người	-	Vụ Tổ chức cán bộ	
5.3.	Số lượng lãnh đạo quản lý được tuyển chọn, bổ nhiệm thông qua thi tuyển (lũy kế từ đầu năm)		-	Vụ Tổ chức cán bộ	
5.4.	Số lượng cán bộ, công chức, viên chức bị kỷ luật (cả về Đảng và chính quyền)		-	Vụ Tổ chức cán bộ	

STT	Chỉ tiêu thống kê (Sử dụng cho kỳ báo cáo hàng Quý, 6 tháng và báo cáo năm)	Kết quả thống kê		Đơn vị chủ trì	Ghi chú
		Đơn vị tính	Số liệu		
5.4.1.	Số lãnh đạo cấp Bộ bị kỷ luật	Người	-	Vụ Tổ chức cán bộ	
5.4.2.	Số lãnh đạo cấp vụ, cục, tổng cục thuộc Bộ bị kỷ luật	Người	-	Vụ Tổ chức cán bộ	
5.4.3.	Số lãnh đạo của các tổ chức bên trong các vụ, cục, tổng cục thuộc Bộ bị kỷ luật.	Người	-	Vụ Tổ chức cán bộ	
5.4.4.	Số người làm việc hưởng lương từ NSNN tại các đơn vị SNCL bị kỷ luật.	Người	-	Vụ Tổ chức cán bộ	
6.	Cải cách tài chính công			Vụ Kế hoạch - Tài chính	
6.1.	Tỷ lệ thực hiện Kế hoạch giải ngân vốn đầu tư công	%	-	Vụ Kế hoạch - Tài chính	
6.1.1	Kế hoạch được giao	Triệu đồng	192.880	Vụ Kế hoạch - Tài chính	
6.1.2	Đã thực hiện	Triệu đồng	-	Vụ Kế hoạch - Tài chính	
6.2.	Ban hành hoặc sửa đổi, bổ sung danh mục dịch vụ sự nghiệp công sử dụng NSNN thuộc lĩnh vực quản lý của bộ (theo quy định tại Nghị định 60/2021/NĐ-CP)	Đầy đủ = 2 Chưa đầy đủ = 1 Chưa ban hành = 0	-	Vụ Kế hoạch - Tài chính	
6.3.	Thực hiện tự chủ tài chính của đơn vị sự nghiệp (ĐVSN) thuộc bộ, cơ quan (lũy kế đến thời điểm báo cáo)			Vụ Kế hoạch - Tài chính	
6.3.1.	Tổng số ĐVSN thuộc Bộ	Đơn vị	-	Vụ Kế hoạch - Tài chính	
6.3.2.	Số ĐVSN tự bảo đảm chi thường xuyên và chi đầu tư	Đơn vị	-	Vụ Kế hoạch - Tài chính	
6.3.3.	Số ĐVSN tự bảo đảm chi thường xuyên	Đơn vị	-	Vụ Kế hoạch - Tài chính	
6.3.4.	Số ĐVSN tự bảo đảm một phần chi thường xuyên	Đơn vị	-	Vụ Kế hoạch - Tài chính	
6.3.4.1.	Số ĐVSN tự bảo đảm từ 70% - dưới 100% chi thường xuyên	Đơn vị	-	Vụ Kế hoạch - Tài chính	
6.3.4.2.	Số ĐVSN tự bảo đảm từ 30% - dưới 70% chi thường xuyên	Đơn vị	-	Vụ Kế hoạch - Tài chính	
6.3.4.3.	Số ĐVSN tự bảo đảm từ 10% - dưới 30% chi thường xuyên	Đơn vị	-	Vụ Kế hoạch - Tài chính	
7.	Xây dựng và phát triển Chính phủ điện tử, Chính phủ số			Trung tâm Thông tin	
7.1.	Cập nhật Kiến trúc chính phủ điện tử phiên bản mới nhất	Chưa = 0	1	Trung tâm Thông tin	

STT	Chỉ tiêu thống kê (Sử dụng cho kỳ báo cáo hàng Quý, 6 tháng và báo cáo năm)	Kết quả thống kê		Đơn vị chủ trì	Ghi chú
		Đơn vị tính	Số liệu		
		Hoàn thành = 1			
7.2.	Xây dựng, vận hành Hệ thống thông tin báo cáo				
7.2.1.	Xây dựng Hệ thống thông tin báo cáo và kết nối với Hệ thống thông tin báo cáo quốc gia	Chưa làm = 0 Đang làm = 1 Hoàn thành = 2	1	Trung tâm Thông tin	
7.2.2.	Tỷ lệ báo cáo định kỳ được gửi, nhận qua Hệ thống thông tin báo cáo quốc gia	%	100%	Văn phòng Bộ	<i>TTTT đầu mối theo dõi</i>
7.3.	Tỷ lệ hồ sơ công việc của bộ được xử lý trên môi trường mạng	%	100%	Văn phòng Bộ	<i>Không bao gồm văn bản mật</i>
7.4.	Tỷ lệ sử dụng văn bản điện tử của Bộ (chỉ thống kê tỷ lệ văn bản được gửi hoàn toàn dưới dạng điện tử)	Văn bản	100%	Văn phòng Bộ	<i>Không bao gồm văn bản mật</i>
7.5.	Xây dựng, vận hành Hệ thống thông tin một cửa điện tử tập trung của Bộ			Văn phòng Bộ	
7.5.1.	Xây dựng Hệ thống thông tin một cửa điện tử	Đã hoàn thành = 1 Chưa hoàn thành = 0	1	Văn phòng Bộ	
7.5.2.	Hệ thống thông tin một cửa điện tử đã kết nối liên thông với 100% đơn vị có chức năng giải quyết TTHC của Bộ (các Vụ, Cục, Tổng cục,...)	Đạt 100% = 1 Chưa đạt 100% = 0	1	Văn phòng Bộ	
7.6.	Cung cấp dịch vụ công trực tuyến			Văn phòng Bộ	
7.6.1.	Tỷ lệ TTHC đủ điều kiện được cung cấp trực tuyến mức độ 3	%			
7.6.1.1.	Tổng số TTHC đủ điều kiện cung cấp trực tuyến mức độ 3	TTHC	35	Văn phòng Bộ	
7.6.1.2.	Số TTHC đang cung cấp trực tuyến mức độ 3	TTHC	35	Văn phòng Bộ	
7.6.1.3.	Số TTHC đang cung cấp trực tuyến mức độ 3 có phát sinh hồ sơ nộp trực tuyến	TTHC	-	Văn phòng Bộ	

STT	Chỉ tiêu thống kê (Sử dụng cho kỳ báo cáo hàng Quý, 6 tháng và báo cáo năm)	Kết quả thống kê		Đơn vị chủ trì	Ghi chú
		Đơn vị tính	Số liệu		
7.6.2.	Tỷ lệ TTHC đủ điều kiện được cung cấp trực tuyến mức độ 4	%		Văn phòng Bộ	
7.6.2.1.	Tổng số TTHC đủ điều kiện cung cấp trực tuyến mức độ 4	TTHC	43	Văn phòng Bộ	
7.6.2.2.	Số TTHC đang cung cấp trực tuyến mức độ 4	TTHC	43	Văn phòng Bộ	
7.6.1.3.	Số TTHC đang cung cấp trực tuyến mức độ 4 có phát sinh hồ sơ nộp trực tuyến	TTHC	-	Văn phòng Bộ	
7.6.3.	Tỷ lệ TTHC cung cấp trực tuyến mức độ 3 và 4 đã tích hợp, công khai trên Cổng DVC quốc gia	%	-	Văn phòng Bộ	
7.6.3.1.	Tổng số TTHC đang cung cấp trực tuyến mức độ 3 và 4 của Bộ	TTHC	78	Văn phòng Bộ	
7.6.3.2.	Số TTHC cung cấp trực tuyến mức độ 3 và 4 đã tích hợp, công khai trên Cổng DVC quốc gia	TTHC	25	Văn phòng Bộ	
7.6.4.	Tỷ lệ hồ sơ TTHC được tiếp nhận trực tuyến mức độ 3 và 4 (<i>Chỉ thống kê đối với các TTHC mức độ 3 và 4 có phát sinh hồ sơ</i>)	%	-	Văn phòng Bộ	
7.6.4.1	Tổng số hồ sơ TTHC đã tiếp nhận (cả trực tiếp và trực tuyến)	Hồ sơ	-	Văn phòng Bộ	
7.6.4.2	Tổng số hồ sơ TTHC đã tiếp nhận trực tuyến	Hồ sơ	-	Văn phòng Bộ	
7.6.5.	Tỷ lệ TTHC được tích hợp, triển khai thanh toán trực tuyến	%	-	Văn phòng Bộ	
7.6.5.1.	Tổng số TTHC có yêu cầu nghĩa vụ tài chính (<i>tất cả các TTHC có phát sinh phí, lệ phí...</i>)	TTHC	7	Văn phòng Bộ	
7.6.5.2.	Số TTHC đã được triển khai thanh toán trực tuyến trên Cổng DVC quốc gia hoặc trên Cổng DVC của Bộ	TTHC	7	Văn phòng Bộ	Đã có đầu chờ sẵn sàng thanh toán

Phụ lục III
THÔNG KÊ SỐ LIỆU VỀ KẾT QUẢ THỰC HIỆN NỘI DUNG CẢI CÁCH HÀNH CHÍNH ĐƯỢC CHÍNH PHỦ GIAO
(Kèm theo Báo cáo số /BC-BNV ngày / /2024 của Bộ Nội vụ)

STT	Chỉ tiêu thống kê <i>(Sử dụng cho kỳ báo cáo hàng Quý, 6 tháng và báo cáo năm)</i>	Kết quả thống kê		Đơn vị chủ trì	Ghi chú
		Đơn vị tính	Số liệu		
1.	Cải cách tổ chức bộ máy hành chính nhà nước				
1.1.	<i>Hoàn thiện quy định chức năng, nhiệm vụ của các bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ (Tính lũy kế từ năm 2021 đến thời điểm báo cáo)</i>				
1.1.1.	Số bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ đã được Chính phủ ban hành Nghị định sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức.	Bộ, cơ quan		Vụ Tổ chức - Biên chế	
1.1.2.	Số bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ đã hoàn thành việc sắp xếp, kiện toàn chức năng, nhiệm vụ và cơ cấu tổ chức của các cơ quan, đơn vị trực thuộc, đáp ứng các tiêu chí theo quy định của Chính phủ.	Bộ, cơ quan		Vụ Tổ chức - Biên chế	
1.1.3.	Số bộ, cơ quan ngang bộ đã ban hành thông tư hướng dẫn chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của cơ quan chuyên môn thuộc UBND cấp tỉnh, cấp huyện theo lĩnh vực, phạm vi quản lý.	Bộ, cơ quan		Vụ Tổ chức - Biên chế	
1.2.	<i>Kết quả sắp xếp, kiện toàn tổ chức bộ máy tại địa phương (Tính lũy kế từ đầu năm)</i>				
1.2.1.	Tổng số cơ quan, tổ chức hành chính được cắt giảm	Cơ quan, tổ chức		Vụ Tổ chức - Biên chế	
1.2.2.	Tổng số đơn vị sự nghiệp công lập được cắt giảm	Đơn vị		Vụ Tổ chức - Biên chế	
1.2.3.	Số tỉnh/thành phố đã hoàn thành việc sắp xếp tổ chức bộ máy các cơ quan, đơn vị đáp ứng các tiêu chí theo quy định của Chính phủ	Tỉnh/Thành phố		Vụ Tổ chức - Biên chế	
1.3.	<i>Số liệu về tinh giản biên chế (Tính lũy kế từ đầu năm)</i>				
1.3.1.	Tổng số biên chế công chức đã được tinh giản	Người		Vụ Tổ chức - Biên chế	
1.3.2.	Tỷ lệ phần trăm biên chế công chức đã tinh giản so với năm 2015	%		Vụ Tổ chức - Biên chế	
1.3.3.	Tổng số người làm việc hưởng lương từ NSNN tại các đơn vị sự nghiệp công lập đã được tinh giảm	Người		Vụ Tổ chức - Biên chế	
1.3.4.	Tỷ lệ % biên chế sự nghiệp đã tinh giản so với năm 2015	%		Vụ Tổ chức - Biên chế	

STT	Chỉ tiêu thống kê (Sử dụng cho kỳ báo cáo hàng Quý, 6 tháng và báo cáo năm)	Kết quả thống kê		Đơn vị chủ trì	Ghi chú
		Đơn vị tính	Số liệu		
1.4.	Cải cách chính quyền địa phương				
1.4.1.	Tổng số đơn vị hành chính cấp huyện	Đơn vị		Vụ Chính quyền địa phương	
1.4.2.	Tổng số đơn vị hành chính cấp xã	Đơn vị		Vụ Chính quyền địa phương	
1.4.3.	Tỷ lệ % cán bộ cấp xã đạt chuẩn theo quy định	%		Vụ Chính quyền địa phương	
1.4.4.	Tỷ lệ % công chức cấp xã đạt chuẩn theo quy định	%		Vụ Chính quyền địa phương	
2.	Cải cách chế độ công vụ				
2.1.	Số bộ, cơ quan ngang bộ đã ban hành hướng dẫn về vị trí việc làm công chức nghiệp vụ chuyên ngành được giao quản lý.	Bộ, cơ quan		Vụ Tổ chức - Biên chế	
2.2.	Số lượng lãnh đạo quản lý được tuyển chọn, bổ nhiệm thông qua thi tuyển (lũy kế từ đầu năm)	Người		Vụ Công chức - Viên chức	
2.3.	Chấp hành kỷ luật, kỷ cương hành chính				
2.3.1.	Số lượng cán bộ, công chức, viên chức tại bộ, cơ quan Trung ương bị kỷ luật (cả về Đảng và chính quyền)	Người		Vụ Công chức - Viên chức	
2.3.2.	Số lượng cán bộ, công chức, viên chức tại địa phương bị kỷ luật (cả về Đảng và chính quyền)	Người		Vụ Công chức - Viên chức	
2.4.	Công tác đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức				
2.4.1.	Tổng số lượt cán bộ, công chức, viên chức tại bộ, ngành Trung ương được đào tạo, bồi dưỡng (Tính lũy kế từ đầu năm).	Lượt		Vụ Công chức - Viên chức	
2.4.2.	Tổng số lượt cán bộ, công chức, viên chức tại địa phương được đào tạo, bồi dưỡng (Tính lũy kế từ đầu năm).	Lượt		Vụ Công chức - Viên chức	